

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH:  
QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

MÃ SỐ: 7140103

(Xây dựng theo chương trình đào tạo năm 2023)

HÀ NỘI - 2023

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH:**  
**QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

MÃ SỐ: 7140103

(Xây dựng theo chương trình đào tạo năm 2023)

**PHÓ CHỦ NHIỆM PHỤ TRÁCH KHOA**

**PGS.TS. Vũ Trọng Lương**

**HÀ NỘI - 2023**

## MỤC LỤC

1. Đơn vị đào tạo cấp bằng .....	1
2. Đơn vị đào tạo, giảng dạy .....	1
3. Thông tin chi tiết về việc kiểm định chương trình do các tổ chức nghề nghiệp hoặc cơ quan pháp luật tiến hành .....	1
4. Tên văn bằng.....	1
5. Tên chương trình.....	1
6. Loại hình đào tạo .....	1
7. Thời gian đào tạo .....	1
8. Mục tiêu đào tạo.....	1
9. Thông tin tuyển sinh .....	2
10. Hình thức tuyển sinh.....	2
11. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	3
12. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo.....	4
13. Cấu trúc chương trình đào tạo.....	17
14. Ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR .....	26
15. Mô tả tóm tắt học phần .....	33
16. Tiến trình đào tạo .....	57
17. Thời điểm xây dựng mô tả chương trình hoặc điều chỉnh chương trình .....	64
18. Các quy định về kiểm tra đánh giá .....	64

# **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**MÃ SỐ: 7140103**

(Xây dựng theo chương trình đào tạo ban hành năm 2023)

## **1. Đơn vị đào tạo cấp bằng**

Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

## **2. Đơn vị đào tạo, giảng dạy**

Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

## **3. Thông tin chi tiết về việc kiểm định chương trình do các tổ chức nghề nghiệp hoặc cơ quan pháp luật tiến hành**

Chương trình được ban hành theo quyết định số 1498/QĐ-ĐHGD ngày 28 tháng 08 năm 2019 và tuyển sinh vào tháng 09 năm 2019 do đó chưa được kiểm định chất lượng. Dự kiến chương trình đào tạo kiểm định vào năm 2024 khi có 01 khóa tốt nghiệp.

## **4. Tên văn bằng**

+ Tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản trị chất lượng giáo dục

+ Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Education Quality Management

## **5. Tên chương trình**

+ Tiếng Việt: Quản trị chất lượng giáo dục

+ Tiếng Anh: Education Quality Management

## **6. Loại hình đào tạo**

Chính quy

## **7. Thời gian đào tạo**

Thời gian đào tạo chuẩn là 4 năm, thời gian được phép kéo dài thêm không quá 2 năm.

## **8. Mục tiêu đào tạo**

### ***a) Mục tiêu chung***

Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị chất lượng giáo dục trang bị cho người học các kiến thức cơ bản, cốt lõi về khoa học giáo dục; quản trị cơ sở và tổ chức giáo dục; kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về đo lường và đánh giá, quản trị chất lượng giáo dục, quản lý và điều hành các hoạt động chuyên môn; kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

Cử nhân ngành Quản trị chất lượng giáo dục có năng lực tác nghiệp quản trị chất lượng giáo dục, bao gồm: điều phối, tổ chức, vận hành các hoạt động giám sát, đo lường và đánh giá chất lượng trong các đơn vị và tổ chức giáo dục; tư vấn cho lãnh đạo và quản lý nhà trường về quản trị chất lượng giáo dục; tư vấn, tổ chức cho người dạy và nhân viên trong các đơn vị, tổ chức giáo dục thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo chất lượng các hoạt động nghề nghiệp.

Cử nhân ngành Quản trị chất lượng giáo dục có đạo đức nghề nghiệp; có trình độ ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu của thời đại; có năng lực thích ứng và phong cách làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo.

#### ***b) Mục tiêu cụ thể***

- *Mục tiêu về kiến thức*
  - Hệ thống kiến thức nền tảng về tâm lý học, giáo dục học, quản trị học, đo lường và đánh giá trong giáo dục;
  - Kiến thức chuyên sâu về quản trị chất lượng trong các cơ sở và tổ chức giáo dục: các mô hình quản lý, đánh giá và đảm bảo chất lượng giáo dục; khảo thí và phân tích dữ liệu khoa học giáo dục.
- *Mục tiêu về kỹ năng*
  - Kỹ năng quản trị chất lượng trong các cơ sở và tổ chức giáo dục: thiết lập quy trình và thực thi các chính sách đảm bảo chất lượng của tổ chức; giám sát, đánh giá các lĩnh vực hoạt động, triển khai tự đánh giá và xây dựng kế hoạch, thực hiện cải tiến chất lượng các hoạt động tại đơn vị;
  - Kỹ năng viết báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục; tổ chức triển khai quy trình kiểm định chất lượng; chuẩn bị dữ liệu phục vụ xếp hạng; tổ chức so chuẩn chất lượng trong giáo dục;
  - Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề, hợp tác và làm việc theo nhóm, giao tiếp (bằng ngôn ngữ, trong đó có ngoại ngữ), khai thác công nghệ thông tin phục vụ công việc, thiết lập các mối quan hệ cộng đồng,...
- *Mục tiêu về mức độ tự chủ và trách nhiệm*

Khả năng thích nghi, thích ứng trong các môi trường làm việc đa dạng, thực thi công việc chuyên nghiệp và sáng tạo.

### **9. Thông tin tuyển sinh**

#### ***a) Hình thức tuyển sinh***

Thông tin tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, đề án tuyển sinh được ĐHQGHN phê duyệt và hướng dẫn tuyển sinh đại học hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN.

#### ***b) Đối tượng dự tuyển***

Theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế tuyển sinh đại học của ĐHQGHN và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

#### ***c) Dự kiến quy mô tuyển sinh***

Theo chỉ tiêu được giao hàng năm.

### **10. Hình thức tuyển sinh**

Trường ĐHGĐ tuyển sinh theo nhiều đợt, đó là: *đợt 1* và *đợt bổ sung* (đợt bổ sung có thể được thực hiện một lần hay nhiều lần).

Đợt 1, Trường ĐHGĐ tuyển sinh theo các phương thức sau: a) Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN; b) Phương thức xét tuyển theo kết

qua tổ hợp các môn thi/bài thi THPT Quốc gia; c) Phương thức xét tuyển theo chứng chỉ quốc tế A-level của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh;

Đợt bổ sung, Trường ĐHGĐ sử dụng Phương thức xét tuyển theo kết quả tổ hợp các môn thi/bài thi THPT Quốc gia.

## **11. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

### ***a) Chuẩn đầu ra về kiến thức***

PLO1. Vận dụng được kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, hệ thống giáo dục, pháp luật Việt Nam và bối cảnh hội nhập quốc tế vào trong hoạt động quản trị chất lượng và trong đời sống.

PLO2. Thực hiện được các nhiệm vụ khoa học và triển khai các hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực quản trị chất lượng.

PLO3. Vận dụng được các lý thuyết cơ bản của tâm lý học, khoa học quản lý, khoa học giáo dục, thống kê ứng dụng, đo lường, khảo thí và đánh giá trong giáo dục ... vào thực tiễn quản trị chất lượng cơ sở giáo dục.

PLO4. Vận dụng được các kiến thức về quản lý chất lượng, quản trị nhà trường trong việc tư vấn và thực hiện các hoạt động quản trị chất lượng giáo dục; thực hiện được quy trình xây dựng và phát triển văn hoá chất lượng nhà trường.

PLO5. Lập kế hoạch và triển khai các hoạt động quản trị chất lượng tại các tổ chức giáo dục và nghề nghiệp có liên quan.

PLO6. Đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình giáo dục đại học.

PLO7. Thiết lập hệ thống quản lý đảm bảo chất lượng giáo dục, hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn và các chỉ số thực hiện cho các lĩnh vực hoạt động của các tổ chức giáo dục và nghề nghiệp có liên quan.

PLO8. Kiểm tra và giám sát hệ thống đảm bảo chất lượng của một tổ chức giáo dục để tư vấn cải tiến nâng cao chất lượng.

PLO9. Điều phối, trực tiếp tham gia và hỗ trợ về viết báo cáo tự đánh giá, xếp hạng giáo dục của một tổ chức giáo dục.

### ***b) Chuẩn đầu ra về kỹ năng***

PLO10. Dẫn dắt, khởi nghiệp, tự tạo việc làm cho mình và cho người khác trong lĩnh vực giáo dục.

PLO11. Đạt trình độ Ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

PLO12. Kết hợp được tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề trong giải quyết công việc, thích ứng với sự thay đổi trong các hoạt động quản trị chất lượng.

PLO13. Sử dụng được những công nghệ giáo dục mới (cả phần cứng và phần mềm) trong các hoạt động quản trị chất lượng.

PLO14. Thực hiện thuần thục các hoạt động quản trị chất lượng giáo dục, đánh giá và đảm bảo chất lượng giáo dục, khảo thí và phân tích dữ liệu khoa học giáo dục.

PLO15. Đánh giá, quản lý bản thân, tăng cường trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển chung của tổ chức trong lĩnh vực quản trị chất lượng.

### **c) Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm**

PLO16. Làm việc tự chủ, độc lập, chuyên nghiệp cũng như khả năng hợp tác, trách nhiệm, khởi xướng, dẫn dắt, khát vọng cống hiến và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động chuyên môn về quản trị chất lượng.

PLO17. Có khả năng tự định hướng, thích nghi trong các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về quản trị chất lượng.

PLO18. Thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp trong tư vấn các chính sách cho cán bộ quản lý, giáo viên trong nhà trường, lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; hướng dẫn và giám sát các thành viên thực hiện nhiệm vụ,

PLO19. Tự chủ trong đánh giá và cải tiến thường xuyên các hoạt động chuyên môn.

PLO20. Có tư duy sáng tạo, phân biện, quyết đoán, khẳng định và bảo vệ được quyền và trách nhiệm cá nhân đối với tập thể, phù hợp với các quy tắc đạo đức và chuẩn mực nghề nghiệp trong lĩnh vực quản trị chất lượng.

### **d) Vị trí công tác có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

- Chuyên viên đảm nhiệm các vị trí công tác liên quan đến quản trị chất lượng, đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng, khảo thí, quản lý khoa học, quản lý đào tạo tại cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, Ban ngành khác;

- Chuyên viên đảm nhiệm các vị trí công tác liên quan đến quản trị chất lượng, khảo thí, quản lý khoa học, quản lý đào tạo tại các bộ phận đảm bảo chất lượng giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục, khảo thí, phòng Đào tạo, phòng Khoa học của các cơ sở giáo dục trong và ngoài công lập từ đại học đến mầm non, các công ty hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, các công ty tư vấn về chất lượng giáo dục, tổ chức phi chính phủ có liên quan đến lĩnh vực giáo dục;

- Chuyên viên đảm nhiệm các vị trí công tác liên quan đến quản trị chất lượng trong các cơ sở và tổ chức giáo dục thường xuyên - dạy nghề - hướng nghiệp, cơ sở giáo dục cộng đồng, các cơ sở đào tạo bồi dưỡng, các cơ quan quản lý giáo dục của các tổ chức chính trị, văn hóa, xã hội, đoàn thể.

### **e) Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tự học tập về các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến Quản trị chất lượng giáo dục, quản lý giáo dục;

- Có cơ hội học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) chuyên ngành Quản trị chất lượng giáo dục, Quản trị trường học, Quản lý giáo dục, Đo lường và đánh giá trong giáo dục, ...

## **12. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo**

Tên chương trình tham khảo: Bachelor of Science in Quality Management

Tên dịch tiếng Việt: Cử nhân Quản trị chất lượng

Đơn vị đào tạo: Grace College - Indiana - Mỹ (*Trường được xếp hạng 7298 trong bảng xếp hạng của Webometrics 2023*)

**a) Giới thiệu về chương trình**

Số tín chỉ của chương trình: 120 tín chỉ

Chương trình Grace Opportunities for Adult Learners (GOAL) cung cấp một khóa học linh động trong bốn năm cho người lớn muốn học theo chương trình tại chức.

Chương trình tập trung vào các yếu tố quan trọng trong quản lý chất lượng, bao gồm hệ thống chất lượng, giám sát sau thị trường, kiểm soát thiết kế và đảm bảo, chất lượng sản xuất và quản lý chuỗi cung ứng, và các quy trình thống kê. Người học hoàn thành khóa học Quản lý chất lượng sẽ hiểu cách áp dụng các khái niệm cốt lõi về quản lý chất lượng cho ngành thiết bị y tế bao gồm tư duy hệ thống, phân tích thống kê, thiết kế sản phẩm và phát triển, giám sát sau thị trường và quản lý nhà cung cấp.

**b) So sánh các học phần**

Tên các học phần trong CTĐT của đơn vị (Tiếng Việt, tiếng Anh)			Tên HP trong CTĐT trường Grace (Mỹ) (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các HP của 2 CTĐT (tỷ lệ % giống nhau)
Stt	Mã học phần	Học phần		
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		Không có	
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>			
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			
1.	PSE2008	Tâm lý học giáo dục Education Psychology	Không có	
2.	EDT2001	Nhập môn Công nghệ giáo dục Introduction of Educational Technology	Không có	
3.	EAM3002	Nhập môn thống kê ứng dụng trong giáo dục Introduction of Applied statistics in education	Survey in Statistics 1 Khảo sát trong thống kê	50% <b>Giống:</b> - Sinh viên sẽ được tiếp xúc với các khái niệm cốt lõi, công thức và các ứng dụng được sử dụng trong phân tích thống kê. Các công cụ phần mềm sẽ được khám phá và sinh viên sẽ có cơ hội áp dụng thông tin vào các tình huống thực tế. <b>Khác:</b> - Tiếp cận Thống kê ứng dụng trong giáo dục: một số bài toán xác suất thường gặp, bài toán tính toán các đại lượng đặc trưng của một tập số đo trong giáo dục, đánh giá tập số đo, so sánh các đại lượng đặc trưng của hai tập số đo, một số bài toán phân tích nhân tố và bài toán phi tham số điển hình trong giáo dục.

Tên các học phần trong CTĐT của đơn vị (Tiếng Việt, tiếng Anh)			Tên HP trong CTĐT trường Grace (Mỹ) (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các HP của 2 CTĐT (tỷ lệ % giống nhau)
Stt	Mã học phần	Học phần		
4.	PSE2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục Research Methodology in Education	Research Methodology Phương pháp nghiên cứu khoa học	90% <b>Giống:</b> - Hệ thống các khái niệm cơ bản về Khoa học, nghiên cứu khoa học. - Kỹ thuật xử lý số liệu và phân tích kết quả thu được thông qua các số liệu đã được xử lý. Quy trình tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục, thiết kế đề cương nghiên cứu.
5.	EDM2013	Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục Introduction to management science in education	Không có	
6.	TMT3008	Quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục Code of professional ethics in the field of education	Không có	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>			
7.	PSE2009	Nhập môn Khoa học giáo dục Introduction to Education Science	Không có	
8.	EDM2002	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo Administrative Management and Management of Education	Không có	

Tên các học phần trong CTĐT của đơn vị (Tiếng Việt, tiếng Anh)			Tên HP trong CTĐT trường Grace (Mỹ) (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các HP của 2 CTĐT (tỷ lệ % giống nhau)
Stt	Mã học phần	Học phần		
9.	EDM2006	Hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở pháp lý trong quản lý giáo dục The National Education System and the Legal Basis for Management Education	The Dynamic Organization Tổ chức năng động	50% <b>Giống:</b> - Các nội dung cơ bản về việc hình thành, phát triển tổ chức khám phá cách các công ty phải thích nghi với môi trường bên trong và bên ngoài luôn thay đổi để phát triển mạnh trong nền kinh tế ngày nay. <b>Khác:</b> - Chỉ ra được các yếu tố tác động lên việc hình thành và phát triển hệ thống giáo dục của một nước. Cấu trúc chung của một hệ thống giáo dục và cấu trúc của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam; các thiết chế giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân và đặc điểm của chúng. Học phần cũng mô tả bộ máy quản lý giáo dục của Việt Nam với các bộ phận và mối quan hệ giữa chúng. Từ các văn bản pháp lý hiện hành, chỉ rõ vai trò, nhiệm vụ của các bộ phận trong bộ máy quản lý giáo dục ở Việt Nam.
<b>III</b> Khối kiến thức theo khối ngành				
<b>III.1</b> Các học phần bắt buộc				
10.	EAM2052	Nhập môn đo lường và đánh giá trong giáo dục Introduction to measurement and evaluation in education	Không có	
11.	EAM2002	Đại cương về quản trị chất lượng giáo dục* Introduction to Education Quality Management	Introduction to Quality Administration Đại cương về Quản trị chất lượng	70% <b>Giống:</b> - Học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản nền tảng về các trường phái hệ thống quan điểm quản trị chất lượng trong giáo dục. Mối quan hệ giữa quản trị chất lượng và Quản lý giáo dục <b>Khác:</b> - Mục tiêu của quản trị chất lượng giáo dục, và những vấn đề cơ bản của quy trình quản trị chất lượng giáo dục.

Tên các học phần trong CTĐT của đơn vị (Tiếng Việt, tiếng Anh)			Tên HP trong CTĐT trường Grace (Mỹ) (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các HP của 2 CTĐT (tỷ lệ % giống nhau)
Stt	Mã học phần	Học phần		
12.	EAM2004	Phát triển và đánh giá chương trình giáo dục Educational Program Development and Evaluation	Không có	
<b>III.2 Các học phần tự chọn</b>				
13.	EAM2005	Khởi nghiệp Entrepreneurship	Business Writing in the New Millennium Kỹ thuật soạn văn bản kinh doanh trong kỷ nguyên mới	20% <b>Giống:</b> - Các kỹ năng soạn thảo văn bản. <b>Khác:</b> - Xây dựng đề án kinh doanh, công tác quản lý doanh nghiệp, trong đó bao gồm các quan điểm về DN, định nghĩa DN theo Luật DN. phân loại doanh nghiệp, bản chất và đặc điểm của hệ thống kinh doanh, các yếu tố sản xuất; tình hình phát triển kinh doanh của Việt Nam.
14.	EAM2006	Tư duy thiết kế Design Thinking	Design Control & Assurance Kiểm soát và đảm bảo thiết kế	40% <b>Giống:</b> - Xây dựng và quản lý lịch sử thiết kế sao cho các quyết định và phát hiện chính được ghi lại chính xác. Học viên sẽ xây dựng một DHF trong một môi trường nhóm và sẽ áp dụng các nguyên tắc quản lý dự án trong khoảng thời gian của khóa học này. Học phần cung cấp các kiến thức về đánh giá chất lượng, áp dụng lý luận cơ bản của quản trị học và quản trị chất lượng giáo dục vào thực tiễn quản trị chất lượng tại cơ sở giáo dục. <b>Khác:</b> - Thiết kế ý tưởng và triển khai thực hiện các hoạt động liên quan đến khả năng thiết kế trong quản trị chất lượng giáo dục
15.	EAM4006	Giáo dục so sánh Comparative Education	Không có	
16.	EDM1004	Xã hội học giáo dục Sociology in Education	Không có	
17.	PSE2006	Tư vấn tâm lý học đường Psychological Counseling in Schools	Không có	

Tên các học phần trong CTĐT của đơn vị (Tiếng Việt, tiếng Anh)			Tên HP trong CTĐT trường Grace (Mỹ) (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các HP của 2 CTĐT (tỷ lệ % giống nhau)
Stt	Mã học phần	Học phần		
18.	EDM2003	Kinh tế học giáo dục Education Economics	Managerial Economics 1 (Kinh tế học quản trị 1); Managerial Economics 2 (Kinh tế học quản trị 2)	50% <b>Giống:</b> - Khóa học được thiết kế để chuẩn bị cho sinh viên hiểu được hệ thống kinh tế và ảnh hưởng của nó đối với cá nhân là người tiêu dùng, người sản xuất và người dân. Sinh viên tìm hiểu các nguyên tắc kinh tế chính. Sinh viên cũng tìm hiểu mối quan hệ của ngân sách chính phủ với ngân sách cá nhân và trường học của họ và tạo ra một kế hoạch ngân sách của cơ sở. <b>Khác:</b> - Dự báo quy hoạch và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, giá trị kinh tế của việc bồi dưỡng lao động; - Đầu tư giáo dục; - Hiệu quả giáo dục; - Lao động và tiền lương của giáo viên.
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>			
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			
19.	EAM3001	Xây dựng văn hóa chất lượng nhà trường Quality Culture Development in Schools	Không có	
20.	EAM4005	Nhập môn thiết kế điều tra khảo sát Introduction to Survey Design	Không có	
21.	EAM1001	Đánh giá trong giáo dục Assessment in Education	Không có	
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>			
22.	EAM2009	Giáo dục và cộng đồng châu Á Asia Community and Education	Không có	

Tên các học phần trong CTĐT của đơn vị (Tiếng Việt, tiếng Anh)			Tên HP trong CTĐT trường Grace (Mỹ) (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các HP của 2 CTĐT (tỷ lệ % giống nhau)
Stt	Mã học phần	Học phần		
23.	SCA2004	Quản trị chiến lược trong nhà trường Strategic Administration in Schools	Economic Strategic Administration Quản trị chiến lược trong kinh doanh	40% <b>Giống:</b> - Cung cấp khái niệm cơ bản về quản trị chiến lược. Xây dựng phương hướng và mục tiêu, triển khai, thực hiện kế hoạch ngắn hạn và dài hạn trên cơ sở nguồn lực hiện có nhằm giúp cho mỗi tổ chức có thể đạt được các mục tiêu dài hạn của nó. <b>Khác:</b> - Cung cấp những khái niệm cơ bản về chiến lược giáo dục, quản trị chiến lược trong nhà trường, trên cơ sở đó giúp người học có thể đi sâu nghiên cứu và thực hành lập chiến lược phát triển cơ sở giáo dục.
24.	PSE2005	Tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường Organizing educational activities in the school	Không có	
25.	SCA3003	Quản trị nguồn nhân lực trong nhà trường Human Resource Administration in Schools	Không có	
26.	SCA3005	Quản lý cơ sở vật chất trong nhà trường Infrastructure and Physical Facility Management in Schools	Infrastructure Management Quản lý cơ sở vật chất	90% <b>Giống:</b> - Giới thiệu các chức năng quản lý cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết để quản lý cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục trong cơ sở giáo dục hiệu quả, bao gồm ba lĩnh vực chủ yếu: quản lý trường học, quản lý thiết bị giáo dục và quản lý thư viện với mục tiêu chung là quản lý vào 3 nội dung cơ bản là: Đầu tư; sử dụng và duy trì, bảo quản. Bên cạnh đó, sinh viên được trao dồi các kỹ năng quản lý về cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục như: xây dựng kế hoạch và lập hồ sơ quản lý hệ thống thiết bị giáo dục, tham mưu- lãnh đạo – chỉ đạo và kiểm tra trong quá trình xây dựng và quản lý cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục

Tên các học phần trong CTĐT của đơn vị (Tiếng Việt, tiếng Anh)			Tên HP trong CTĐT trường Grace (Mỹ) (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các HP của 2 CTĐT (tỷ lệ % giống nhau)
Stt	Mã học phần	Học phần		
27.	SCA3004	Quản lý tài chính trong nhà trường Financial Management in Schools	Fundamentals of Finance Nguyên tắc cơ bản về tài chính	50% <b>Giống:</b> Phân tích ba hình thức cơ bản của báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo thu nhập và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Phát triển bộ kỹ năng diễn giải sẽ tập trung vào lập kế hoạch chiến lược, đánh giá rủi ro và áp dụng các biện pháp kiểm soát ngân sách hiệu quả. <b>Khác:</b> - Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thương hiệu, định vị thương hiệu cho các cơ sở giáo dục; và kỹ thuật xác định các thành tố cơ bản của marketing trong giáo dục - đào tạo, từ đó thực hiện quản trị chiến lược marketing trong nhà trường.
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>			
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			
28.	EAM2003	Kỹ năng quản trị chất lượng giáo dục Education Quality Management Skills	Không có	
29.	EAM3004	Quản trị chất lượng cơ sở giáo dục theo các chỉ số thực hiện (KPIs) Quality Management of Institutions in compliance with Key Performance Indicators (KPIs)	Không có	
30.	EAM2010	Nhập môn kiểm định chất lượng giáo dục Introduction to Education Accreditation	Quality Accreditation Kiểm định chất lượng	90% <b>Giống:</b> - Cung cấp cho người học hệ thống các kiến thức về hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục Các mô hình kiểm định chất lượng giáo dục, xếp hạng trong giáo dục. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học các kiến thức để tham gia giám sát, tư vấn và quản trị chất lượng như: các bộ công cụ kiểm định chất lượng giáo dục và hệ thống các văn bản hướng dẫn triển khai áp dụng.

Tên các học phần trong CTĐT của đơn vị (Tiếng Việt, tiếng Anh)			Tên HP trong CTĐT trường Grace (Mỹ) (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các HP của 2 CTĐT (tỷ lệ % giống nhau)
Stt	Mã học phần	Học phần		
31.	EAM3006	Đảm bảo chất lượng trong giáo dục Education Quality Assurance	Quality Assurance Đảm bảo chất lượng	90% <b>Giống:</b> - Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Khái niệm về chất lượng, chất lượng trong giáo dục, đảm bảo chất lượng; các mô hình đảm bảo chất lượng trong giáo dục; hệ thống đảm bảo chất lượng trong giáo dục.
32.	EAM3008	Quản lý chất lượng tổng thể Total Quality Management	Manufacturing Quality & Supply Chain Management Quản lý chuỗi cung ứng và chất lượng sản xuất	80% <b>Giống:</b> - Cung cấp các khái niệm, công cụ và kỹ thuật được sử dụng trong Quản lý chất lượng, hiệu quả nhóm cấu trúc, đo lường chất lượng, năng suất và khả năng cạnh tranh trong môi trường công nghiệp.
33.	EAM2001	Thực hành thống kê ứng dụng trong giáo dục Practice of Applied Statistics in Education	Survey in Statistics 2 Khảo sát trong thống kê	50% <b>Giống:</b> - Sinh viên sẽ được tiếp xúc với các khái niệm cốt lõi, công thức và các ứng dụng được sử dụng trong phân tích thống kê. Các công cụ phần mềm sẽ được khám phá và sinh viên sẽ có cơ hội áp dụng thông tin vào các tình huống thực tế. <b>Khác:</b> - Tiếp cận Thống kê ứng dụng trong giáo dục: một số bài toán xác suất thường gặp, bài toán tính toán các đại lượng đặc trưng của một tập số đo trong giáo dục, đánh giá tập số đo, so sánh các đại lượng đặc trưng của hai tập số đo, một số bài toán phân tích nhân tố và bài toán phi tham số điển hình trong giáo dục.
34.	EAM4001	Đánh giá diện rộng Large-scale Assessment	Không có	
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn chung</b>			
35.	EAM3013	Nhập môn xếp hạng đại học Introduction to University Ranking	Không có	

Tên các học phần trong CTĐT của đơn vị (Tiếng Việt, tiếng Anh)			Tên HP trong CTĐT trường Grace (Mỹ) (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các HP của 2 CTĐT (tỷ lệ % giống nhau)
Stt	Mã học phần	Học phần		
36.	EAM3036	Đánh giá năng lực tổ chức giáo dục Evaluation of Educational Organization's Capacity	Không có	
37.	EAM3014	Quản trị hoạt động khoa học - công nghệ Science and Technology Administration	Operations Management Quản lý hoạt động	40% <b>Giống:</b> - Sử dụng toán học, thống kê và các gói máy tính khác nhau để giải quyết các vấn đề kinh doanh chung <b>Khác:</b> - Phân tích các nội dung hoạt động khoa học - công nghệ cùng với các thành tựu mới nhất, xu hướng phát triển khoa học - công nghệ. Cung cấp các nội dung về tiêu chuẩn và việc áp dụng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trong lĩnh vực quản trị khoa học - công nghệ. Học phần tập trung phân tích các loại hình quản trị hoạt động khoa học - công nghệ trong nhà trường, hoạch định chiến lược phát triển công nghệ, quy trình xây dựng và triển khai kế hoạch khoa học - công nghệ, các cách theo dõi, giám sát và đánh giá hoạt động khoa học - công nghệ.
38.	EAM3035	Đánh giá tác động Impact Evaluation	Không có	
39.	EAM3019	Nhập môn Khoa học dữ liệu trong giáo dục Introduction to Data Science in Education	Không có	
<b>V.3</b>	<b>Các học phần tự chọn riêng (sinh viên chọn 1 trong 3 hướng ngành)</b>			
<b>V.3.1</b>	<b>Hướng ngành 1: Kiểm định và Đảm bảo chất lượng giáo dục</b>			

Tên các học phần trong CTĐT của đơn vị (Tiếng Việt, tiếng Anh)			Tên HP trong CTĐT trường Grace (Mỹ) (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các HP của 2 CTĐT (tỷ lệ % giống nhau)
Stt	Mã học phần	Học phần		
40.	EAM3007	Quản lý chất lượng theo hệ thống ISO Quality Management According to ISO System	Quality Systems Hệ thống chất lượng	80% <b>Giống:</b> - Trang bị cho sinh viên về mô hình quản lý chất lượng giáo dục trên thế giới và áp dụng vào Việt Nam; quy trình kiểm định chất lượng giáo dục theo hệ thống ISO - một trong những hệ thống điển hình theo chuẩn hóa quốc tế trong quản trị chất lượng giáo dục.
41.	EAM3010	Phân tích chính sách giáo dục Educational Policy Analysis	Không có	
42.	SCA3009	Quản trị thương hiệu và Marketing của nhà trường Branding and Marketing Management of Schools	Không có	
43.	EAM3011	Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Institution accreditation	Không có	
44.	EAM3037	Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Program accreditation	Không có	
45.	EAM3038	Kiểm tra và thanh tra trong giáo dục Control and Inspection in Education	Không có	
46.	EAM3039	Seminar: Các vấn đề về xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Seminar: Selected topics on building internal quality assurance system	Không có	
47.	EAM3018	Giám sát chất lượng giáo dục trong nhà trường Monitoring Educational Quality in Schools	Post Market Surveillance Giám sát thị trường	30% <b>Giống:</b> - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò, chức năng của hoạt động giám sát chất lượng nói chung và giám sát chất lượng giáo dục nói riêng. <b>Khác:</b> - Cung cấp kỹ năng xác định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và các hình thức giám sát chất lượng giáo dục

Tên các học phần trong CTĐT của đơn vị (Tiếng Việt, tiếng Anh)			Tên HP trong CTĐT trường Grace (Mỹ) (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các HP của 2 CTĐT (tỷ lệ % giống nhau)
Stt	Mã học phần	Học phần		
<b>V.3.2. <i>Hướng ngành 2: Khảo thí và đánh giá năng lực</i></b>				
48.	EAM3021	Xây dựng ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá Development of Test Item Banks	Không có	
49.	EAM3017	Đánh giá trong giáo dục STEM Assessment in STEM Education	Không có	
50.	EAM4004	Công nghệ đánh giá trong lớp học Technology-based Classroom Assessment	Không có	
51.	EAM3020	Các loại hình công cụ đánh giá năng lực người học Competency-based Assessment Tools	Không có	
52.	EAM3022	Đo lường năng lực phi nhận thức Measurement of Noncognitive Skills	Không có	
53.	EAM3024	Đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học Measuring Students' Achievement of Learning Outcomes	Không có	
54.	EAM3026	Seminar về khai thác dữ liệu đánh giá diện rộng. Seminar on Data Analysis of Large-Scale Assessment	Không có	
55.	EAM3027	Seminar về khai thác dữ liệu đánh giá kết quả học tập Seminar on Data Analysis of Student Performance Assessment	Không có	
<b>V.3.3. <i>Hướng ngành 3: Thống kê và Khoa học dữ liệu trong giáo dục</i></b>				
56.	EAM3031	Phân tích và trực quan dữ liệu Data analysis and visualization	Không có	

Tên các học phần trong CTĐT của đơn vị (Tiếng Việt, tiếng Anh)			Tên HP trong CTĐT trường Grace (Mỹ) (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các HP của 2 CTĐT (tỷ lệ % giống nhau)
Stt	Mã học phần	Học phần		
57.	SCA3016	Hệ thống thông tin trong quản trị nhà trường Information System in School Management	Information Technology Management 1 Quản lý công nghệ thông tin	50% <b>Giống:</b> - Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản nhất về thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường. <b>Khác:</b> - Học phần giúp người học có được những kiến thức cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ công tác có sử dụng công nghệ thông tin.
58.	EAM3028	Phân tích chuỗi thời gian Analysis of Time Series	Không có	
59.	EAM3029	Lập trình cho Khoa học dữ liệu Programming for Data Science	Không có	
60.	EAM2002	Một số vấn đề chọn lọc của thống kê Some selected issues of applied statistics	Không có	
61.	EAM3032	Phân tích hồi quy và ứng dụng Applied Regression Analysis	Không có	
62.	EAM 3033	Phân tích dữ liệu với Python Data Analysis with Python	Không có	
63.	EAM3034	Seminar Một số vấn đề chọn lọc về Khoa học dữ liệu Seminar on Selected topics on Data Science	Không có	
<b>V.4</b>	<b>Kiến thức thực tập và tốt nghiệp</b>			
64.	EAM4050	Thực tập nghiệp vụ Internship	Thực tập nghiệp vụ Internship	
65.	EAM4051	Khóa luận tốt nghiệp Undergraduate Thesis	Undergraduate Thesis Khóa luận tốt nghiệp	

### 13. Cấu trúc chương trình đào tạo

#### a) Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

<b>Tổng số tín chỉ của CTĐT</b> ( <i>chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ</i> ):		<b>130</b> tín chỉ
<b>- Khối kiến thức chung</b> ( <i>chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ</i> ):		<b>21</b> tín chỉ
<b>- Khối kiến thức theo lĩnh vực:</b>		<b>21</b> tín chỉ
+ Bắt buộc:		18 tín chỉ
+ Tự chọn:		3 tín chỉ/ 9 tín chỉ
<b>- Khối kiến thức theo khối ngành:</b>		<b>17</b> tín chỉ
+ Bắt buộc:		8 tín chỉ
+ Tự chọn:		9 tín chỉ/ 18 tín chỉ
<b>- Khối kiến thức theo nhóm ngành:</b>		<b>18</b> tín chỉ
+ Bắt buộc:		9 tín chỉ
+ Tự chọn:		9 tín chỉ/ 18 tín chỉ
<b>- Khối kiến thức ngành:</b>		<b>53</b> tín chỉ
+ Bắt buộc:		21 tín chỉ
+ Tự chọn chung:		9 tín chỉ/ 15 tín chỉ
+ Tự chọn riêng theo hướng ngành:		12 tín chỉ/ 24 tín chỉ
+ Khóa luận tốt nghiệp:		11 tín chỉ

#### b) Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b> ( <i>chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, Kỹ năng bổ trợ</i> )		<b>21</b>				
1.	PHI1006	Triết học Mac-Lenin Marxism – Leninism Philosophy	3	35	20	95	
2.	PEC1008	Kinh tế chính trị Mac-Lenin Marxism-Leninism Politic Economy	2	20	20	60	PHI1006
3.	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học Leninism Scientific Socialism	2	24	12	64	PHI1006
4.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	2	24	12	64	PHI1006 PHI1002
5.	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Việt Nam History of the Communist Party of Vietnam	2	24	12	64	POL1001

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
6.	THL.1057	Nhà nước và Pháp luật đại cương State and General law	2				
7.		Ngoại ngữ B1 Foreign language B1	5	75	0	175	
8.	EDT2003	Tin học cơ sở Basic of Informatics					
9.	TMT2100	Kỹ năng bổ trợ Soft skills	3				
10.		Giáo dục thể chất Physical Education	4	8	52	0	
11.		Giáo dục quốc phòng–an ninh National Defence Education	8				
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>21</b>				
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>				
12.	PSE2008	Tâm lý học giáo dục Education Psychology	4	45	30	125	
13.	EDT2001	Nhập môn Công nghệ giáo dục Introduction of Educational Technology	2	25	10	65	
14.	EAM3002	Nhập môn thống kê ứng dụng trong giáo dục Introduction of Applied statistics in education	3	30	30	90	
15.	PSE2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục Research Methodology in Education	3	30	30	90	
16.	EDM2013	Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục Introduction to management science in education	2	25	10	65	
17.	TMT3008	Quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục Code of professional ethics in the field of education	4	0	30	170	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>3/9</b>				

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
18.	PSE2009	Nhập môn Khoa học giáo dục <i>Introduction to Education Science</i>	3	30	30	90	
19.	EDM2002	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo <i>Administrative Management and Management of Education</i>	3	40	10	100	
20.	EDM2006	Hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở pháp lý trong quản lý giáo dục <i>The National Education System and the Legal Basis for Management Education</i>	3	30	30	90	
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>17</b>				
<b>III.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>8</b>				
21.	EAM2052	Nhập môn đo lường và đánh giá trong giáo dục <i>Introduction to measurement and evaluation in education</i>	2	25	10	65	
22.	EAM2002	Đại cương về quản trị chất lượng giáo dục* <i>Introduction to Education Quality Management</i>	3	40	10	100	EDM2013
23.	EAM2004	Phát triển và đánh giá chương trình giáo dục <i>Educational Program Development and Evaluation</i>	3	40	10	100	
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/18</b>				
24.	EAM2005	Khởi nghiệp <i>Entrepreneurship</i>	3	40	10	100	
25.	EAM2006	Tư duy thiết kế <i>Design Thinking</i>	3	30	30	90	
26.	EAM4006	Giáo dục so sánh <i>Comparative Education</i>	3	40	10	100	
27.	EDM1004	Xã hội học giáo dục <i>Sociology in Education</i>	3	30	30	90	
28.	PSE2006	Tư vấn tâm lý học đường <i>Psychological Counseling in Schools</i>	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
29.	EDM2003	Kinh tế học giáo dục Education Economics	3	33	24	93	
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>18</b>				
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>				
30.	EAM3001	Xây dựng văn hóa chất lượng nhà trường Quality Culture Development in Schools	3	33	9	3	EAM2002
31.	EAM4005	Nhập môn thiết kế điều tra khảo sát Introduction to Survey Design	3	33	9	3	PSE2004
32.	EAM1001	Đánh giá trong giáo dục Assessment in Education	3	33	24	93	
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/18</b>				
33.	EAM2009	Giáo dục và cộng đồng châu Á Asia Community and Education	3	36	9	0	
34.	SCA2004	Quản trị chiến lược trong nhà trường Strategic Administration in Schools	3	33	24	93	EAM2002
35.	PSE2005	Tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường Organizing educational activities in the school	3	30	30	90	
36.	SCA3003	Quản trị nguồn nhân lực trong nhà trường Human Resource Administration in Schools	3	40	10	100	EAM2002
37.	SCA3005	Quản lý cơ sở vật chất trong nhà trường Infrastructure and Physical Facility Management in Schools	3	40	10	100	
38.	SCA3004	Quản lý tài chính trong nhà trường Financial Management in Schools	3	33	9	3	
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>53</b>				
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>21</b>				

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
39.	EAM2003	Kỹ năng quản trị chất lượng giáo dục Education Quality Management Skills	3	30	30	90	EAM2002
40.	EAM3004	Quản trị chất lượng cơ sở giáo dục theo các chỉ số thực hiện (KPIs) Quality Management of Institutions in compliance with Key Performance Indicators (KPIs)	3	40	10	100	EAM2002
41.	EAM2010	Nhập môn kiểm định chất lượng giáo dục Introduction to Education Accreditation	3	30	30	90	EAM2002
42.	EAM3006	Đảm bảo chất lượng trong giáo dục Education Quality Assurance	3	40	10	100	EAM2002
43.	EAM3008	Quản lý chất lượng tổng thể Total Quality Management	3	40	10	100	EAM2002
44.	EAM2001	Thực hành thống kê ứng dụng trong giáo dục Practice of Applied Statistics in Education	3	30	30	90	EAM3002
45.	EAM4001	Đánh giá diện rộng Large-scale Assessment	3	40	10	100	
V.2	<b>Các học phần tự chọn chung</b>		<b>9/15</b>				
46.	EAM3013	Nhập môn xếp hạng đại học Introduction to University Ranking	3	40	10	100	
47.	EAM3036	Đánh giá năng lực tổ chức giáo dục Evaluation of Educational Organization's Capacity	3	40	10	100	
48.	EAM3014	Quản trị hoạt động khoa học - công nghệ Science and Technology Administration	3	40	10	100	
49.	EAM3035	Đánh giá tác động Impact Evaluation	3	30	30	90	

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
50.	EAM3019	Nhập môn Khoa học dữ liệu trong giáo dục <i>Introduction to Data Science in Education</i>	3	40	10	100	
V.3	<b>Các học phần tự chọn riêng (sinh viên chọn 1 trong 3 hướng ngành)</b>		12				
V.3.1	Hướng ngành 1: Kiểm định và Đảm bảo chất lượng giáo dục		12/24				
51.	EAM3007	Quản lý chất lượng theo hệ thống ISO <i>Quality Management According to ISO System</i>	3	39	6	0	EAM3006
52.	EAM3010	Phân tích chính sách giáo dục <i>Educational Policy Analysis</i>	3	36	9	0	
53.	SCA3009	Quản trị thương hiệu và Marketing của nhà trường <i>Branding and Marketing Management of Schools</i>	3	33	9	3	
54.	EAM3011	Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục <i>Institution accreditation</i>	3	30	30	90	EAM2002
55.	EAM3037	Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo <i>Program accreditation</i>	3	30	30	90	EAM2002
56.	EAM3038	Kiểm tra và thanh tra trong giáo dục <i>Control and Inspection in Education</i>	3	40	10	100	
57.	EAM3039	Seminar: Các vấn đề về xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong <i>Seminar: Selected topics on building internal quality assurance system</i>	3	40	10	100	EAM2002
58.	EAM3018	Giám sát chất lượng giáo dục trong nhà trường <i>Monitoring Educational Quality in Schools</i>	3	40	10	100	
V.3.2.	Hướng ngành 2: Khảo thí và đánh giá năng lực		12/24				

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
59.	EAM3021	Xây dựng ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá <i>Development of Test Item Banks</i>	3	30	30	90	
60.	EAM3017	Đánh giá trong giáo dục STEM <i>Assessment in STEM Education</i>	3	40	10	100	
61.	EAM4004	Công nghệ đánh giá trong lớp học <i>Technology-based Classroom Assessment</i>	3	30	30	90	
62.	EAM3020	Các loại hình công cụ đánh giá năng lực người học <i>Competency-based Assessment Tools</i>	3	40	10	100	
63.	EAM3022	Đo lường năng lực phi nhận thức <i>Measurement of Noncognitive Skills</i>	3	30	30	90	
64.	EAM3024	Đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học <i>Measuring Students' Achievement of Learning Outcomes</i>	3	40	10	100	
65.	EAM3026	Seminar về khai thác dữ liệu đánh giá diện rộng. <i>Seminar on Data Analysis of Large-Scale Assessment</i>	3	30	30	90	EAM3040
66.	EAM3027	Seminar về khai thác dữ liệu đánh giá kết quả học tập <i>Seminar on Data Analysis of Student Performance Assessment</i>	3	30	30	90	
V.3.3.	Hướng ngành 3: Thống kê và Khoa học dữ liệu trong giáo dục		12/24				
67.	EAM3031	Phân tích và trực quan dữ liệu <i>Data analysis and visualization</i>	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
68.	SCA3016	Hệ thống thông tin trong quản trị nhà trường Information System in School Management	3	33	24	93	
69.	EAM3028	Phân tích chuỗi thời gian Analysis of Time Series	3	40	10	100	
70.	EAM3029	Lập trình cho Khoa học dữ liệu Programming for Data Science	3	30	30	90	EAM2002
71.	EAM2002	Một số vấn đề chọn lọc của thống kê Some selected issues of applied statistics	3	40	10	100	
72.	EAM3032	Phân tích hồi quy và ứng dụng Applied Regression Analysis	3	30	30	90	
73.	EAM 3033	Phân tích dữ liệu với Python Data Analysis with Python	3	30	30	90	
74.	EAM3034	Seminar Một số vấn đề chọn lọc về Khoa học dữ liệu Seminar on Selected topics on Data Science	3	30	30	90	
<b>V.4</b>	<b>Kiến thức thực tập và tốt nghiệp</b>		<b>11</b>				
75.	EAM4050	Thực tập nghiệp vụ Internship	5		150	100	
76.	EAM4051	Khóa luận tốt nghiệp Undergraduate Thesis	6		60	240	
	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp						
77	EAM4052	Học phần tốt nghiệp 1 Thesis 1	3	40	10	100	
78	EAM4053	Học phần tốt nghiệp 2 Thesis 2	3	40	10	100	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>130</b>				

**Ghi chú**

*\*: Học phần được giảng dạy bằng Tiếng Anh.*

*- Học phần Tiếng Anh B1 là học phần Ngoại ngữ B1 bắt buộc sinh viên phải hoàn thành trong Chương trình đào tạo. Sinh viên có thể sử dụng chứng chỉ B1 các ngoại ngữ khác (theo quy định của ĐHQGHN) để công nhận chuẩn đầu ra./.*

### 14. Ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR

TT	Mã HP	Học phần	Kiến thức 6 mức									Kỹ năng 5 mức					Mức tự chủ và trách nhiệm 5 mức					
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17	PLO18	PLO19	PLO20
		Mức độ yêu cầu đạt chuẩn đầu ra	3	3	3	3	6	5	6	5	4	3	3	4	3	5	4	4	4	4	5	5
1	PHI1006	Triết học Mac-Lenin <i>Marxism – Leninism Philosophy</i>	2										3				3					
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mac-Lenin <i>Marxism-Leninism Politic Economy</i>	3										3					3				
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Leninism Scientific Socialism</i>	3										3					3				
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	3								3		3					3				
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	3								3					3		3				
6	THL1057	Nhà nước và Pháp luật đại cương <i>State and General law</i>	3										3				3		3			
7		<b>Ngại ngữ B1</b> <i>Foreign Language B1</i>										3					3	3				
8	EDT2003	Tin học cơ sở <i>Basic of Informatics</i>									3			3								
9	TMT2100	Kỹ năng bổ trợ <i>Soft skills</i>											3	3		3		3				
10		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	3													3		3				
11		Giáo dục quốc phòng–an ninh <i>National Defence Education</i>	3													3		3				
12	PSE2008	Tâm lý học giáo dục <i>Education Psychology</i>				2												3				
13	EDT2001	Nhập môn công nghệ giáo dục <i>Introduction of Educational Technology</i>				2			3						3		3				3	2
14	EAM3002	Nhập môn thống kê ứng dụng trong giáo dục <i>Introduction of Applied statistics in education</i>			3								4		5							4

TT	Mã HP	Học phần	Kiến thức 6 mức									Kỹ năng 5 mức					Mức tự chủ và trách nhiệm 5 mức					
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17	PLO18	PLO19	PLO20
		Mức độ yêu cầu đạt chuẩn đầu ra	3	3	3	3	6	5	6	5	4	3	3	4	3	5	4	4	4	4	5	5
15	PSE2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục <i>Research Methodology in Education</i>		3			3									3					3	3
16	EDM2013	Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục <i>Introduction to management science in education</i>	3											3		3						
17	TMT3013	Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục <i>Code of professional ethics in the field of education</i>	3	3							3			3				4				
18	PSE2009	Nhập môn khoa học giáo dục <i>Introduction to Education Science</i>				3	3				3								3			
19	EDM2002	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo <i>Administrative Management and Management of Education</i>		3	3		3				3		3	3		2						
20	EDM2006	Hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở pháp lý trong quản lý giáo dục <i>The National Education System and the Legal Basis for Management Education</i>	3		3		3				3		3	3		2						
21	EAM2052	Nhập môn đo lường và đánh giá trong giáo dục <i>Introduction to measurement and evaluation in education</i>		2	2	2	3						3		3		2					
22	EAM2002	Đại cương về quản trị chất lượng giáo dục * <i>Introduction to Education Quality Management</i>				3							3				3	3	3			
23	EAM2004	Phát triển và đánh giá chương trình giáo dục <i>Educational Program Development and Evaluation</i>						4								4					3	

TT	Mã HP	Học phần	Kiến thức 6 mức									Kỹ năng 5 mức					Mức tự chủ và trách nhiệm 5 mức						
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17	PLO18	PLO19	PLO20	
		Mức độ yêu cầu đạt chuẩn đầu ra	3	3	3	3	6	5	6	5	4	3	3	4	3	5	4	4	4	4	5	5	
24	EAM2005	Khởi nghiệp <i>Entrepreneurship</i>	2	3								3						4				5	
25	EAM2006	Tư duy thiết kế <i>Design Thinking</i>	3		3							3						4				5	
26	EAM4006	Giáo dục so sánh <i>Comparative Education</i>		3	3	3								4		4					5	4	
27	EDM1004	Xã hội học giáo dục <i>Sociology in Education</i>	3									3						3					
28	PSE2006	Tư vấn tâm lý học đường <i>Psychological Counseling in Schools</i>			3									3				3	3				
29	EDM2003	Kinh tế học giáo dục <i>Education Economics</i>	3			3		2	3							3			3				
30	EAM3001	Xây dựng văn hóa chất lượng nhà trường <i>Quality Culture Development in Schools</i>				3			3								4			3		5	4
31	EAM4005	Nhập môn thiết kế điều tra khảo sát <i>Introduction to Survey Design</i>		3	3										3	4				4			
32	EAM1001	Đánh giá trong giáo dục <i>Assessment in Education</i>			3	3	5			4				3		4				3			
33	EAM2009	Giáo dục và cộng đồng châu Á <i>Asia Community and Education</i>	3											3					3	3	3	3	
34	SCA2004	Quản trị chiến lược trong nhà trường <i>Strategic Administration in Schools</i>						3	3			3				3							
35	PSE2005	Tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường <i>Organizing educational activities in the school</i>		3		3	3								3				3				
36	SCA3003	Quản trị nguồn nhân lực trong nhà trường <i>Human Resource Administration in Schools</i>						3	3			3				3							

TT	Mã HP	Học phần	Kiến thức 6 mức									Kỹ năng 5 mức					Mức tự chủ và trách nhiệm 5 mức					
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17	PLO18	PLO19	PLO20
		Mức độ yêu cầu đạt chuẩn đầu ra	3	3	3	3	6	5	6	5	4	3	3	4	3	5	4	4	4	4	5	5
37	SCA3005	Quản lý cơ sở vật chất trong nhà trường <i>Infrastructure and Physical Facility Management in Schools</i>	3			3	3							3	3							
38	SCA3004	Quản lý tài chính trong nhà trường <i>Financial Management in Schools</i>						3	3			3				3						
39	EAM2003	Kĩ năng quản trị chất lượng giáo dục <i>Education Quality Management Skills</i>					6		4						5		3					3
40	EAM3004	Quản trị chất lượng cơ sở giáo dục theo các chỉ số thực hiện (KPIs) <i>Quality Management of Institutions in compliance with Key Performance Indicators (KPIs)</i>		3		3			4		4		3		3	5		3			4	4
41	EAM2010	Nhập môn kiểm định chất lượng giáo dục <i>Introduction to Education Accreditation</i>				3	5		5	5	4			4		4	4			5		4
42	EAM3006	Đảm bảo chất lượng trong giáo dục <i>Education Quality Assurance</i>					4		4	5	4				4					4		
43	EAM3008	Quản lý chất lượng tổng thể <i>Total Quality Management</i>			3			5	5	5					3		3					4
44	EAM2001	Thực hành thống kê ứng dụng trong giáo dục <i>Practice of Applied Statistics in Education</i>		3	3									3	4			3				
45	EAM4001	Đánh giá diện rộng <i>Large-scale Assessment</i>		3			5				4			4		4					5	4
46	EAM3014	Nhập môn xếp hạng đại học <i>Introduction to University Ranking</i>			3	3									3		3	3				
47	EAM3036	Đánh giá năng lực tổ chức giáo dục <i>Evaluation of Educational Organizations' Capacity</i>				3		5								4	3		3			4

TT	Mã HP	Học phần	Kiến thức 6 mức									Kỹ năng 5 mức					Mức tự chủ và trách nhiệm 5 mức						
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17	PLO18	PLO19	PLO20	
		Mức độ yêu cầu đạt chuẩn đầu ra	3	3	3	3	6	5	6	5	4	3	3	4	3	5	4	4	4	4	5	5	
48	EAM3013	Quản trị hoạt động khoa học và công nghệ <i>Science and Technology Administration</i>		2		3					5				3	3			3	3		4	
49	EAM3035	Đánh giá tác động <i>Impact Evaluation</i>		3						5					4			4				5	4
50	EAM3019	Nhập môn Khoa học dữ liệu trong giáo dục <i>Introduction to Data Science in Education</i>				3					3				4		5			3			
51	EAM3007	Quản lý chất lượng theo hệ thống ISO <i>Quality Management According to ISO System</i>					3	5	5	5	4						4		3		3		3
52	EAM3010	Phân tích chính sách giáo dục <i>Educational Policy Analysis</i>		3			3	4	4					3	3		4		3	4		4	
53	SCA3009	Quản trị thương hiệu và Marketing của nhà trường <i>Branding and Marketing Management of Schools</i>	3				3		3	3		3					3			3			
54	EAM3011	Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục <i>Institution accreditation</i>					3	5		5	5	4									4		4
55	EAM3037	Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo <i>Program accreditation</i>					3	5		5	5	4									4		4
56	EAM3038	Kiểm tra và thanh tra trong giáo dục <i>Control and Inspection in Education</i>					3				5							3			4		3
57	EAM3039	Seminar: Các vấn đề về xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong <i>Seminar: Selected topics on building internal quality assurance system</i>								5					4						4		

TT	Mã HP	Học phần	Kiến thức 6 mức									Kỹ năng 5 mức					Mức tự chủ và trách nhiệm 5 mức					
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17	PLO18	PLO19	PLO20
		Mức độ yêu cầu đạt chuẩn đầu ra	3	3	3	3	6	5	6	5	4	3	3	4	3	5	4	4	4	4	5	5
58	EAM3018	Giám sát chất lượng giáo dục trong nhà trường <i>Monitoring Educational Quality in Schools</i>					3				5						4	4		3		4
59	EAM3021	Xây dựng ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá <i>Development of Test Item Banks</i>			3	3	3							3		4					3	4
60	EAM3017	Đánh giá trong giáo dục STEM <i>Assessment in STEM Education</i>			3	3								4		4		3		4		
61	EAM4004	Công nghệ đánh giá trong lớp học <i>Technology-based Classroom Assessment</i>		3	3		4								3	3			3			
62	EAM3020	Các loại hình công cụ đánh giá năng lực người học <i>Competence-based Assessment Tools</i>			3	3	4							3			4	4			4	
63	EAM3022	Đo lường năng lực phi nhận thức <i>Measurement of Noncognitive Skills</i>			3									4		3		4		3		
64	EAM3024	Đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học <i>Measuring Students' Achievement of Learning Outcomes</i>			3		5	5								4					4	
65	EAM3026	Seminar về khai thác dữ liệu đánh giá diện rộng <i>Seminar on Data Analysis of Large-Scale Assessment</i>		3						5				4		4		4			4	
66	EAM3027	Seminar về khai thác dữ liệu đánh giá kết quả học tập <i>Seminar on Data Analysis of Student Performance Assessment</i>		3						5				4		4		4			4	
67	EAM3031	Phân tích và trực quan dữ liệu <i>Data analysis and visualization</i>		3		3	3	3	3													
68	SCA3016	Hệ thống thông tin trong quản trị nhà trường		3	3										3	3				4		

TT	Mã HP	Học phần	Kiến thức 6 mức									Kỹ năng 5 mức					Mức tự chủ và trách nhiệm 5 mức					
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17	PLO18	PLO19	PLO20
		Mức độ yêu cầu đạt chuẩn đầu ra	3	3	3	3	6	5	6	5	4	3	3	4	3	5	4	4	4	4	5	5
		<i>Information System in School Administration</i>																				
69	EAM3028	Phân tích chuỗi thời gian <i>Analysis of Time Series</i>			3			3		4					5			3				
70	EAM3029	Lập trình cho Khoa học dữ liệu <i>Programming for Data Science</i>		3					3					4		5			4			
71	EAM3030	Một số vấn đề chọn lọc của thống kê <i>Some selected issues of applied statistics</i>			3				3					4		5			4			
72	EAM3032	Phân tích hồi quy và ứng dụng <i>Applied Regression Analysis</i>		3					3					4		5		4				
73	EAM3033	Phân tích dữ liệu với Python <i>Data Analysis with Python</i>		3	3										3	4					4	
74	EAM3034	Seminar Một số vấn đề chọn lọc về Khoa học dữ liệu <i>Seminar on Selected topics on Data Science</i>		3	3									4		5						3
75	EAM4050	Thực tập nghiệp vụ <i>Internship</i>								4				4	3	5	4	4	3			
76	EAM4051	Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>				3			6	5						5	4	4	4			

## **15. Mô tả tóm tắt học phần**

### **I. Khối kiến thức chung (27 tín chỉ)**

#### **1. PHI1006 - Triết học Mác-Lenin**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Triết học Mác - Lê nin là sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, là hệ thống quan điểm duy vật biện chứng về thế giới và vị trí của con người trong thế giới, là khoa học về những mối liên hệ, những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy, là cơ sở cho việc xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học. Triết học Mác - Lênin nghiên cứu bản chất, quy luật phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, ý thức xã hội, vai trò con người và việc phát triển, giải phóng con người trong xã hội. Đây là cơ sở quan trọng, điểm tựa vững chắc để giải quyết các vấn đề trên cả phương diện lý luận và thực tiễn trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

#### **2. PEC1008 - Kinh tế chính trị Mác- Lenin**

Học phần tiên quyết: PHI1006

Tóm tắt nội dung học phần: cứu, chức năng. Hai là, trình bày những vấn đề cơ bản về kinh tế thị trường

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm 6 nội dung lớn. Một là, giới thiệu khái quát về Kinh tế chính trị Mác – Lênin, từ lịch sử hình thành, phát triển đến đối tượng, phương pháp nghiên g nói chung. Ba là, những vấn đề cơ bản của học thuyết giá trị thặng dư – hòn đá tảng của học thuyết kinh tế C.Mác. Bốn là, nội dung về độc quyền và độc quyền nhà nước trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Năm là, những vấn đề của kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam và quan hệ lợi ích kinh tế. Sáu là những vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

#### **3. PHI1002 - Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Học phần tiên quyết: PHI1006

Tóm tắt nội dung học phần:

Ngoài phần giới thiệu về vị trí, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của học phần chủ nghĩa xã hội khoa học, nội dung chính của học phần có hai khối kiến thức chính: một là, quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; hai là, những phạm trù, quy luật chính trị - xã hội cơ bản trong quá trình vận động từ hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa sang hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa, gồm: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và vấn đề liên minh giai cấp, tầng lớp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

#### **4. HIS1001 - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Học phần tiên quyết: POL1001

Tóm tắt nội dung học phần:

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### **5. POL1001 - Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Học phần tiên quyết: PHI1006, PHI1002

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:

- Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới.

- Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

### **6. THL1057 - Nhà nước và pháp luật Đại cương**

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần:

Nhà nước và pháp luật đại cương là học phần bắt buộc được đưa vào chương trình giảng dạy nhiều năm nay ở các cơ sở đào tạo khác nhau không thuộc chuyên ngành luật. Đây là học phần nghiên cứu những vấn đề chung nhất và cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật, nghiên cứu bản chất, vai trò xã hội, qui luật phát sinh, tồn tại và phát triển của hai hiện tượng xã hội này. Học phần nhà nước và pháp luật đại cương cũng giới thiệu những vấn đề cơ bản nhất về một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Đây cũng là học phần giới thiệu một cách toàn diện và có hệ thống nhất các khái niệm, phạm trù, các nguyên tắc và các qui luật về nhà nước và pháp luật.

### **7. Ngoại ngữ B1**

### **8. EDT2003 - Tin học cơ sở**

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Mô đun 1- Tin học Đại cương - Phần 1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở về thông tin, máy tính, phần mềm và các ứng dụng công nghệ thông tin. - Phần 2:

Cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng hệ điều hành, sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng và khai thác một số dịch vụ trên Internet.

Mô đun 2- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ - Hệ thống hóa và nâng cao kiến thức về cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ; rèn các kỹ năng sử dụng một hệ quản trị dữ liệu cụ thể. - Giới thiệu lập trình quản lý thông qua macro và mô đun đơn giản trong Visual Basic.

**9. TMT2100 - Kỹ năng bổ trợ**

**10. PES1001 - Giáo dục thể chất**

**11. CME1001 - Giáo dục quốc phòng**

**II. Khối kiến thức chung theo lĩnh vực (21 tín chỉ)**

**II.1. Học phần bắt buộc (18 tín chỉ)**

**12. PSE2008 - Tâm lý học giáo dục**

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung:

Học phần Tâm lý giáo dục là học phần nền tảng về tâm lý giáo dục trong đào tạo con người. Học phần có các nội dung gồm: Thể hiện những vấn đề chung của tâm lý học giáo dục, Thể hiện mối quan hệ giữa yếu tố sinh học và sự phát triển tâm lý người, Thể hiện mối quan hệ giữa hoạt động, giao tiếp và sự phát triển tâm lý người, các quá trình nhận thức, các điều kiện của sự nhận thức, các nội dung về xúc cảm – tình cảm, các nội dung về nhân cách, hoạt động học tập, hoạt động giảng dạy, môi trường dạy học, giáo dục đạo đức cho người học, năng lực sư phạm và con đường nâng cao năng lực sư phạm.

**13. EDT2001 - Nhập môn công nghệ giáo dục**

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp khung lý thuyết về các mô hình ứng dụng công nghệ trong giáo dục và dạy học hiện nay; mối quan hệ giữa hệ thống các nguyên tắc tổ chức quá trình dạy học với các mô hình áp dụng giải pháp, công cụ công nghệ dạy học; các nguyên tắc đánh giá tính hiệu quả, khả thi của việc tích hợp công nghệ trong môi trường dạy học mới [dạy học phi truyền thống]. Với các nội dung thực hành, người học có cơ hội được hình thành và rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ mới trong dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực.

**14. EAM3002 - Nhập môn thống kê ứng dụng trong giáo dục**

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp những kiến thức về tổng quan về thống kê ứng dụng trong giáo dục; một số nội dung cơ bản của giải tích tổ hợp và lý thuyết xác suất; thống kê mô tả trong giáo dục; các vấn đề ước lượng và kiểm định giả thuyết trong giáo dục và cuối cùng là tương quan và hồi quy tuyến tính trong giáo dục. Hình thành các kỹ năng thu

thập trình bày và phân tích giải thích dữ liệu cũng nhưng ứng dụng chúng trong các tình huống thực tiễn trong Giáo dục.

### **15. PSE2004 - Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục**

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung:

“Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục” là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần được thiết kế với thời lượng 3 tín chỉ và nhằm mục đích cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản, bước đầu thực hiện các loại hình nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục như bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp, báo cáo khoa học, bài báo khoa học. Học phần được thiết kế theo các nội dung cơ bản sau:

- Hệ thống khái niệm cơ bản, các quan điểm tiếp cận về nghiên cứu khoa học giáo dục, các lĩnh vực nghiên cứu khoa học giáo dục. Một số nguyên tắc, yêu cầu khi thực hiện đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục.

- Đặc điểm và phân loại các nhóm phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.

Lựa chọn và triển khai một số phương pháp nghiên cứu trong khoa học giáo dục

- Kỹ thuật xử lý số liệu và phân tích kết quả.

- Quy trình tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục, thiết kế đề cương nghiên cứu.

- Trình bày một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục dưới các hình thức khác nhau như bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp, báo cáo khoa học.

- Tiêu chí đánh giá và đánh giá một nghiên cứu khoa học giáo dục.

Học phần sẽ được thực hiện dưới hình thức đan xen các phần lý thuyết và thực hành, trong đó hoạt động thực hành chiếm phần lớn thời lượng học phần và dưới các hình thức khác nhau như cá nhân, nhóm, seminar...

### **16. EDM2013 - Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục**

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung:

“Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục” là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành khoa học giáo dục. Môn học được thiết kế với thời lượng 2 tín chỉ và nhằm mục đích cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản, bước đầu tìm hiểu các hoạt động, mô hình, phương pháp quản lý nói chung và quản lý trong giáo dục nói riêng.

Môn học được thiết kế theo các nội dung cơ bản sau:

- Hệ thống khái niệm cơ bản: Quản lý, khoa học quản lý, quản lý giáo dục

- Phân biệt hoạt động lãnh đạo, quản lý, quản trị (giáo dục)

- Lý luận về khoa học quản lý

- Những vấn đề cơ bản về quản lý giáo dục

- Đổi mới giáo dục và đổi mới quản lý giáo dục trong bối cảnh mới

### **17. TMT3013 - Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục**

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Đạo đức nhà giáo dục là một nhánh trong hệ thống đạo đức xã hội, là những quan điểm, quy tắc và chuẩn mực hành vi đạo đức xã hội đòi hỏi phải tuân theo trong hoạt động nghề nghiệp, có tính đặc trưng của nghề nghiệp. Nghĩa vụ đạo đức nghề nghiệp là trách nhiệm của người làm nghề trước xã hội và trước người khác. Lương tâm nghề nghiệp là sự tự phán xét, tự ý thức về trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp. Lương tâm nghề nghiệp giữ chức năng tình cảm của nghĩa vụ đạo đức nghề nghiệp, trạng thái khẳng định của lương tâm có vai trò nâng cao tính tích cực của con người, giúp cho con người tin tưởng vào mình trong quá trình hoạt động nghề nghiệp. Đánh mất ý thức về nghĩa vụ đạo đức là đánh mất ý thức về bản thân mình, làm mất ý nghĩa làm người cũng như giá trị động lực của lao động.

Đạo đức nghề nghiệp đối với giáo dục là những chuẩn mực cao nhất về đạo đức, giáo dục và chuyên môn sư phạm vì lợi ích của xã hội; được xem là thước đo nhân phẩm để thầy cô kiến tạo những thế hệ tương lai của đất nước. Với những nhà giáo, đạo đức nghề nghiệp phải được rèn luyện nghiêm khắc hơn bất kì ngành nghề nào. Trong bất kì hoàn cảnh nào, đạo đức nghề nghiệp là nền tảng, niềm tin để các nhà giáo cống hiến hết mình cho sự nghiệp trồng người, vun đắp và thấp sáng cái thiện cũng như những đam mê khám phá tri thức cho những mầm non tương lai của xã hội.

Trong môi trường giáo dục, đạo đức nhà giáo dục chính là các chuẩn mực để đánh giá tinh thần, thái độ và sự chuyên nghiệp của mỗi cán bộ, mỗi nhà giáo; đánh giá sự thành công của mỗi cán bộ, mỗi nhà giáo. Những nhà giáo tuân thủ đạo đức nghề nghiệp luôn được tôn trọng và đánh giá cao. Những hành vi vi phạm chuẩn mực có thể bị lãnh đạo cơ sở giáo dục xử lý, hình thức xử lý có thể bao gồm từ nhắc nhở, khiển trách, kỷ luật hoặc đình chỉ công tác trong ngành giáo dục.

## ***II.2. Học phần tự chọn***

### **18. PSE2009 - Nhập môn khoa học giáo dục**

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung:

Học phần này giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về các học thuyết cũng như những thành tựu nghiên cứu của Khoa học Giáo dục được ứng dụng cho việc dạy học và phân tích các vấn đề thực tiễn giáo dục. Các nội dung được trú trọng trong học phần này bao gồm: Lịch sử phát triển và các học thuyết giáo dục hiện đại; các phạm trù cơ bản của GDH; vai trò của GD với sự phát triển của cá nhân, xã hội, cộng đồng và phát triển nguồn nhân lực. Sinh viên sẽ được tham gia vào các hoạt động học tập đòi hỏi sự chủ động trong nhận thức và khả năng tích hợp kinh nghiệm trong cuộc sống hàng ngày. Sinh viên được khuyến khích nghiên cứu hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam và các quốc gia trên thế giới. Sinh viên được tạo cơ hội để tích cực khám phá những ý nghĩa thực tế và các ứng dụng của lý thuyết tâm lý, xã hội, kinh tế, quản lý, công nghệ,... trong Khoa học Giáo dục.

## **19. EDM2002 - Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo**

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung:

Học phần Quản lý Hành chính Nhà nước và Quản lý Ngành Giáo dục và Đào tạo cung cấp khái niệm về nhà nước, bản chất, chức năng, hình thức tổ chức nhà nước. Giải thích các khái niệm cơ bản về quản lý hành chính nhà nước, phân tích các nguyên tắc, nội dung, quy trình, công cụ và phương pháp thực hiện. Đề cập đến quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; các nguyên tắc, đặc điểm quản lý, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục và đào tạo; các văn bản pháp quy về quản lý ngành giáo dục: Luật giáo dục, Điều lệ nhà trường, cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý ngành giáo dục và đào tạo trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

## **20. EDM2006 - Hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở pháp lý trong quản lý giáo dục**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần trình bày các nội dung cơ bản về việc hình thành và phát triển HTGDQD của một nước; chỉ ra được các yếu tố tác động lên việc hình thành và phát triển HTGDQD của một nước. Cấu trúc chung của một hệ thống GD và cấu trúc của HTGDQD Việt Nam; các thiết chế giáo dục trong HTGDQD và đặc điểm của chúng. Học phần cũng mô tả bộ máy QLGD của Việt Nam với các bộ phận và mối quan hệ giữa chúng. Từ các văn bản pháp lý hiện hành, chỉ rõ vai trò, nhiệm vụ của các bộ phận trong bộ máy QLGD ở Việt Nam

### ***III. Khối kiến thức theo khối ngành (17 tín chỉ)***

#### ***III.1. Các học phần bắt buộc (8 tín chỉ)***

### **21. EAM2052 - Nhập môn đo lường và đánh giá trong giáo dục**

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung:

Nhập môn Đo lường và đánh giá trong giáo dục là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng ban đầu về lĩnh vực quản trị và đánh giá chất lượng giáo dục. Học phần gồm 3 phần nội dung chính:

- (i) Khái quát về chất lượng và chất lượng trong giáo dục
- (ii) Những vấn đề cơ bản về đo lường và đánh giá trong giáo dục
- (iii) Các loại hình đánh giá chất lượng giáo dục

Thông qua 3 nội dung này, sinh viên sẽ lần lượt tiếp cận những vấn đề mang tính lý luận cơ bản, làm nền tảng cho mọi hoạt động đo lường và đánh giá chất lượng trong giáo dục như những khái niệm về chất lượng, chất lượng trong giáo dục; quy trình và căn cứ để đo lường, đánh giá; những yêu cầu đối với một hoạt động đo lường, đánh giá.

Sinh viên cũng sẽ làm quen với các loại hình đánh giá chất lượng giáo dục, phân loại theo nguồn gốc thông tin mà mỗi loại hình sử dụng để đánh giá.

## **22. EAM2002 - Đại cương về quản trị chất lượng giáo dục \* (dạy bằng tiếng Anh)**

Học phần tiên quyết: EDM2013

Tóm tắt nội dung:

The course "Introduction to Education Quality Management" is a subject that integrates theoretical knowledge about Quality Management and Education, orientations for developing professional skills, capable of equipping students Learn a system of general, basic, modern knowledge about educational quality and educational quality models, and the goals of educational quality management. The course also provides basic knowledge about systems of schools of thought on educational quality management.

The course includes 3 specific chapters as follows:

Chapter 1: Concepts and perspectives on educational quality

Chapter 2: Conceptual framework for higher education quality management

Chapter 3: Educational quality management models

## **23. EAM2004 - Phát triển và đánh giá chương trình giáo dục**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần Phát triển chương trình giáo dục gồm có 4 chương cụ thể như sau: Chương 1: Chương trình giáo dục trong bối cảnh mới; Chương 2: Những vấn đề cơ bản của chương trình giáo dục; Chương 3: Phát triển chương trình giáo dục; Chương 4: Đánh giá chương trình giáo dục

### **III.2. Các học phần tự chọn (9/18 tín chỉ)**

## **24. EAM2005 - Khởi nghiệp**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Khởi nghiệp là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng ban đầu về lĩnh vực xây dựng ý tưởng, phương án và cách thức khởi nghiệp. Học phần gồm 4 phần nội dung chính: (i) Khái quát về khởi nghiệp (ii) Ý tưởng khởi nghiệp (iii) Phương án khởi nghiệp (iv) Triển khai Khởi nghiệp.

Thông qua 4 nội dung này, sinh viên sẽ lần lượt tiếp cận và Lý giải sự cần thiết phải có một ngành mới - quản trị kinh doanh khởi nghiệp (Entrepreneurial management); Phân tích sâu vào chi tiết của phương pháp khởi nghiệp tinh gọn, đưa ra một bước ngoặt quan trọng thông qua cốt lõi là vòng xoay phản hồi: xây dựng - đo lường - học hỏi; Khám phá các kỹ thuật cho phép Khởi nghiệp tinh gọn có những bước ôm cua thần tốc qua vòng xoay phản hồi xây dựng - đo lường - học hỏi, ngay cả khi chúng đang vận hành.

## **25. EAM2006 - Tư duy thiết kế**

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung:

Nội dung học phần bao gồm khái niệm về Tư duy Thiết kế (Design Thinking), tư duy sáng tạo (creative thinking), Tư duy khởi nghiệp đổi mới và sáng tạo (entrepreneurial mindset)...; Ứng dụng của Tư duy Thiết kế trong các lĩnh vực khoa học, đời sống xã hội nói chung và trong lĩnh vực giáo dục nói riêng; Các bước của quy trình Tư duy Thiết kế; Các bài tập thực hành về Tư duy Thiết kế, tư duy sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, các thực hành giúp nhận diện và rèn luyện các năng lực, kỹ năng cần thiết của thế kỷ 21 như tư duy phản biện, sáng tạo, khả năng giao tiếp, tinh thần hợp tác, sự kiên trì, bền bỉ, khả năng thích ứng với sự biến đổi, khả năng lãnh đạo, làm việc nhóm, phát triển ý thức văn hóa – xã hội ...

Vận dụng Tư duy thiết kế để giải quyết một vấn đề cụ thể liên quan tới chuyên ngành. Các bài tập thực hành để nhận định giá trị & định vị bản thân, từ đó thiết lập cách thức để cân bằng cuộc sống. Dựa trên công cụ tư duy thiết kế để định hướng, xây dựng kế hoạch nghề nghiệp, công việc cho tương lai.

## **26. EAM2007 - Giáo dục so sánh**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến giáo dục so sánh về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu. Học phần giúp sinh viên có được kỹ năng phân tích, đối sánh kết quả, tiêu chuẩn trong giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng.

## **27. EDM1004 - Xã hội học giáo dục**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần Xã hội học giáo dục nghiên cứu mối quan hệ giữa giáo dục và xã hội, các vấn đề xã hội của giáo dục như bình đẳng, công bằng, phân hóa xã hội. Phân tích các khía cạnh xã hội của giáo dục như hệ thống giáo dục, cấu trúc xã hội, phân hóa và bình đẳng xã hội, mối quan hệ giữa các thiết chế, xã hội hóa giáo dục. Đặc biệt chú trọng đến thực trạng và đề xuất giải pháp cho các vấn đề xã hội của giáo dục Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập.

## **28. PSE2006 - Tư vấn tâm lý học đường**

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần Tư vấn tâm lý học đường cung cấp cho giáo sinh sự phạm những kiến thức cơ bản về tư vấn tâm lý và tư vấn tâm lý học đường. Đây là một nền tảng quan trọng giúp cho các thầy cô thành công hơn nữa trong việc giáo dục học sinh trong nhà trường. Các nội dung gồm có:

Những vấn đề khái quát chung về công tác tư vấn tâm lý học đường như: Đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của công tác tư vấn tâm lý học đường; sơ lược lịch sử phát triển công tác này và một số mô hình tư vấn tâm lý.

Những vấn đề về các khó khăn tâm lý của học sinh và các nội dung tư vấn giáo dục thanh thiếu niên: đặc điểm tâm lý lứa tuổi, con đường dẫn đến hành vi ứng xử tiêu cực ở thanh thiếu niên, nguyên nhân và cơ chế dẫn đến những khó khăn tâm lý của học sinh, chiến lược làm việc với thanh thiếu niên có vấn đề về hành vi, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu ở thanh thiếu niên.

Những vấn đề về kỹ năng tư vấn làm nghề bao gồm các kỹ năng tham vấn cá nhân và các kỹ năng làm việc với các đối tượng liên quan.

Những vấn đề về phẩm chất và năng lực của chuyên viên tư vấn tâm lý học đường: Vai trò, trách nhiệm của chuyên viên tư vấn, những yêu cầu đối với người làm công tác tư vấn tâm lý, một số yêu cầu cơ bản về đạo đức nghề nghiệp.

## **29. EDM2003 - Kinh tế học giáo dục**

*Học phần tiên quyết: Không*

*Tóm tắt nội dung học phần:*

Kinh tế học giáo dục là môn khoa học mới có tính liên ngành, có đối tượng và phương pháp nghiên cứu riêng, là học phần nghiên cứu các vấn đề:

(1) Các giá trị của kinh tế xã hội của giáo dục, làm rõ mối quan hệ giữa kinh tế và giáo dục

(2) Dự báo quy hoạch và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, giá trị kinh tế của việc bồi dưỡng lao động

(3) Đầu tư giáo dục

(4) Hiệu quả giáo dục

(5) Lao động và tiền lương của giáo viên.

## **IV Khối kiến thức theo nhóm ngành (18 tín chỉ)**

### **IV.1 Các học phần bắt buộc (9 tín chỉ)**

## **30. EAM3001 - Xây dựng văn hóa chất lượng nhà trường**

*Học phần tiên quyết: EAM2002*

*Tóm tắt nội dung:*

Nội dung học phần gồm 04 nhóm vấn đề, cụ thể:

1- Các kiến thức về văn hóa nói chung, văn hóa chất lượng nhà trường nói riêng;

2- Nội dung và mối quan hệ giữa văn hóa chất lượng và quản trị chất lượng nhà trường;

3- Kiến thức và kỹ năng xây dựng văn hóa chất lượng nhà trường;

4- Rèn luyện kỹ năng xây dựng văn hóa chất lượng nhà trường thông qua vận dụng các kiến thức đã học của 3 phần trên để đảm bảo sinh viên một khi đã tích lũy được môn học là có đủ năng lực đề xuất xây dựng văn hóa chất lượng trường học cho một nhà trường cụ thể.

## **31. EAM4005 - Nhập môn thiết kế điều tra khảo sát**

*Học phần tiên quyết: PSE2004*

*Tóm tắt nội dung:*

Học phần được bố cục thành 5 chương, bao gồm những khái niệm cơ bản liên quan đến điều tra khảo sát phục vụ đánh giá chất lượng giáo dục, ý nghĩa của điều tra khảo sát và những kỹ thuật cần thiết để có thể thiết kế, xây dựng và triển khai một cuộc khảo sát: Từ việc xác định mục đích, mục tiêu và đối tượng khảo sát, nội dung khảo sát, chọn mẫu khảo sát đến viết câu hỏi và thiết kế bảng hỏi điều tra khảo sát, triển khai thu thập dữ liệu và phân tích, báo cáo kết quả điều tra khảo sát.

### **32. EAM3039 - Đánh giá trong giáo dục**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Để có thể trang bị những kiến thức và kỹ năng phù hợp giúp sinh viên có khả năng *Quản trị các hoạt động kiểm tra đánh giá trong nhà trường*, học phần này sẽ tập trung vào 4 nội dung cơ bản sau: (i) Khái quát về các hoạt động kiểm tra đánh giá người học; (ii) Các đặc tính cần quan tâm của hoạt động kiểm tra đánh giá người học; (iii) Phát triển các hoạt động kiểm tra đánh giá người học trong nhà trường; và (iv) Khai thác sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá

#### ***IV.2 Các học phần tự chọn (9 tín chỉ)***

### **33. EAM2009 - Giáo dục và cộng đồng châu Á**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về địa kinh tế-chính trị, kiến thức về văn hóa-giáo dục của cộng đồng Châu Á; kiến thức về những đặc trưng giáo dục của cộng đồng châu Á cũng như các xu hướng, thành tựu giáo dục của cộng đồng và một số quốc gia lớn tại châu Á; khả năng hợp tác giáo dục giữa các nước trong và ngoài cộng đồng; kỹ năng giải quyết một số vấn đề liên quan đến văn hóa giáo dục, hợp tác và giao lưu giáo dục quốc tế; có thái độ tôn trọng, yêu mến văn hóa-giáo dục của Việt Nam và cộng đồng châu Á.

### **34. SCA2004 - Quản trị chiến lược trong nhà trường**

Học phần tiên quyết: EAM2002

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần “Quản trị chiến lược trong nhà trường” nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị chiến lược áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, bao gồm: khái niệm, đặc điểm, vai trò của quản trị chiến lược trong nhà trường; các công cụ và kỹ thuật phân tích môi trường trong và ngoài nhà trường; quy trình hoạch định chiến lược trong trường học: xác định sứ mạng, tầm nhìn; phân tích điểm mạnh, điểm yếu và cơ hội, thách thức; xây dựng các mục tiêu chiến lược và lựa chọn chiến lược; xây dựng kế hoạch chiến lược trong nhà trường; tổ chức thực hiện chiến lược và kiểm soát chiến lược; đánh giá hiệu quả thực hiện chiến lược và điều chỉnh chiến lược khi cần thiết. Như

vậy, học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng vận dụng quản trị chiến lược vào hoạt động quản lý, lãnh đạo nhà trường.

### **35. PSE2005 - Tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường**

*Học phần tiên quyết: Không*

*Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần “Tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường” là môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về công tác quản lý lớp học, công tác chủ nhiệm lớp và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Thông qua đó, giúp hình thành cho người học kỹ năng xây dựng quản lý lớp học; kỹ năng thực hiện công tác chủ nhiệm lớp; kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

### **36. SCA3003 - Quản trị nguồn nhân lực trong nhà trường**

*Học phần tiên quyết: EAM2002*

*Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần "Quản trị và phát triển nguồn nhân lực trong nhà trường/Human Resource Administration and Development in Schools" cung cấp một cái nhìn toàn diện về quản trị nguồn nhân lực trong môi trường giáo dục, tập trung vào việc phát triển và quản lý nhân sự để tối ưu hóa hiệu quả công việc và đóng góp trong nhà trường. Nội dung bao gồm các chiến lược và kỹ thuật hiệu quả trong tuyển dụng, đào tạo, phát triển và đánh giá nhân viên, nhấn mạnh vào việc xây dựng môi trường làm việc hỗ trợ và thúc đẩy sự cam kết. Sinh viên sẽ học cách lập kế hoạch nhân sự, thiết kế và triển khai chương trình đào tạo, và phát triển kỹ năng lãnh đạo và giao tiếp để quản lý nhân sự một cách hiệu quả trong nhà trường. Học phần này cũng nhấn mạnh việc phát triển thái độ chuyên nghiệp và cam kết với sự phát triển bền vững của nguồn nhân lực, tạo điều kiện cho sự phát triển chung của tổ chức giáo dục.

### **37. SCA3005 - Quản lý cơ sở vật chất trong nhà trường**

*Học phần tiên quyết: Không*

*Tóm tắt nội dung:*

Học phần giới thiệu các chức năng quản lý cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết để quản lý cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục trong cơ sở giáo dục hiệu quả, bao gồm ba lĩnh vực chủ yếu: quản lý trường học, quản lý thiết bị giáo dục và quản lý thư viện với mục tiêu chung là quản lý vào 3 nội dung cơ bản là: Đầu tư; sử dụng và duy trì, bảo quản. Bên cạnh đó, sinh viên được trao dồi các kỹ năng quản lý về cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục như: xây dựng kế hoạch và lập hồ sơ quản lý hệ thống thiết bị giáo dục, tham mưu- lãnh đạo – chỉ đạo và kiểm tra trong quá trình xây dựng và quản lý cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, ... Đồng thời, học phần cũng quan tâm hướng dẫn sinh viên phát triển khả năng phân tích các vấn đề trong thực tiễn quản lý cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục cho sát hợp với điều kiện và hoàn cảnh của đơn vị.

Hoàn tất học phần, sinh viên sẽ có đủ khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục trong một tổ chức.

### **38. SCA3004 - Quản lý tài chính trong nhà trường**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần "Quản lý tài chính trong nhà trường/Financial Management in Schools" cung cấp cho sinh viên một cái nhìn toàn diện về việc quản lý tài chính trong bối cảnh giáo dục, từ việc hiểu sâu sắc các nguyên lý tài chính cơ bản đến việc áp dụng chúng trong lập kế hoạch và quản lý ngân sách của nhà trường. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức để phân tích báo cáo tài chính, đánh giá rủi ro, và đưa ra quyết định tài chính thông minh, nhằm tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực tài chính và đóng góp vào sự phát triển bền vững của nhà trường. Học phần này không chỉ tập trung vào kỹ năng quản lý tài chính mà còn nhấn mạnh việc phát triển thái độ đạo đức và chuyên nghiệp trong quản trị tài chính, giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc quản lý minh bạch và có trách nhiệm để đảm bảo công bằng và hiệu quả trong mọi quyết định tài chính trong môi trường giáo dục.

## ***V. Khôỉ kiến thức ngành (53 tín chỉ)***

### ***V.1. Các học phần bắt buộc (21 tín chỉ)***

#### **39. EAM2003 - Kỹ năng quản trị chất lượng giáo dục**

Học phần tiên quyết: EAM2002

Tóm tắt nội dung:

Học phần Kỹ năng quản trị chất lượng gồm có 3 chương cụ thể như sau:  
Chương 1: Kỹ năng quản trị chất lượng trong lĩnh vực Đảm bảo chất lượng; Chương 2: Kỹ năng quản trị chất lượng trong lĩnh vực Kiểm định chất lượng; Chương 3: Kỹ năng quản trị chất lượng trong lĩnh vực Khảo thí.

#### **40. EAM3004 - Quản trị chất lượng cơ sở giáo dục theo các chỉ số thực hiện (KPIs)**

Học phần tiên quyết: EAM2002

Tóm tắt nội dung:

Nội dung học phần gồm 03 nhóm vấn đề, cụ thể: 1- Các nội dung về khái niệm cơ bản về quản trị chất lượng cơ sở giáo dục theo các chỉ số thực hiện, quản trị tinh gọn, các nguyên tắc thiết lập KPI; 2- Các phương pháp đánh giá chính và Quy trình các bước xây dựng và triển khai thẻ điểm cân bằng BSC; 3- Nội dung hệ thống đánh giá thực hiện công việc gồm xác định mục tiêu đánh giá thực hiện công việc, tiêu chuẩn xây dựng hệ thống đánh giá thực hiện công việc, tiến hành đánh giá thực hiện công việc, phản hồi thông tin đánh giá thực hiện công việc.

#### **41. EAM3005 - Nhập môn kiểm định chất lượng giáo dục**

Học phần tiên quyết: EAM2002

Tóm tắt nội dung:

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức trong lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục; các vấn đề cơ bản về kiểm định chất lượng giáo dục như khái niệm, đặc điểm, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của kiểm định chất lượng giáo dục; hệ thống tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, lịch sử hình thành và phát triển hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục ở Việt Nam. Học phần cũng trang bị cho sinh viên những hiểu biết về hệ thống văn bản quy định liên quan đến công tác kiểm định chất lượng giáo dục, các công cụ kiểm định chất lượng giáo dục và thiết lập triển khai các hoạt động đánh giá ngoài đối với cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam.

#### **42. EAM3006 - Đảm bảo chất lượng trong giáo dục**

Học phần tiên quyết: EAM2002

Tóm tắt nội dung:

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức trong lĩnh vực đảm bảo chất lượng giáo dục, các điều kiện đảm bảo chất lượng trong cơ sở giáo dục đại học và liên quan; kiến thức, công cụ để vận hành và đánh giá một hệ thống đảm bảo chất lượng. Học phần cũng trang bị cho sinh viên những hiểu biết về hệ thống văn bản pháp quy liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng.

#### **43. EAM3008 - Quản lý chất lượng tổng thể**

Học phần tiên quyết: EAM2002

Tóm tắt nội dung:

Môn học Quản lý chất lượng tổng thể gồm 4 chương:

Chương 1: Chất lượng và quản lý chất lượng tổng thể: Trình bày các quan điểm về chất lượng, chất lượng trong giáo dục, chất lượng giáo dục phổ thông và chất lượng giáo dục cao đẳng, đại học; các cấp độ trong quản lý chất lượng, các nguyên tắc và tiền đề xây dựng và vận hành hệ thống TQM.

Chương 2: Các mô hình quản lý chất lượng tổng thể: Trình bày các mô hình TQM tiêu biểu, các mô hình tiếp cận TQM trong giáo dục, khả năng áp dụng TQM trong giáo dục, những nguyên tắc cơ bản áp dụng TQM trong giáo dục và một số mô hình phối hợp với TQM.

Chương 3: Công cụ quản lý chất lượng tổng thể: Trình bày các công cụ quản lý chất lượng, chuẩn chất lượng và các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục ở Việt Nam.

Chương 4: Xây dựng kế hoạch chiến lược nâng cao chất lượng cho các cơ sở giáo dục: Trình bày khái niệm, lý do vì sao phải xây dựng kế hoạch chiến lược, cấu trúc của kế hoạch chiến lược và chiến lược nâng cao chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam.

#### **44. EAM2001 - Thực hành thống kê ứng dụng trong giáo dục**

Học phần tiên quyết: EAM2002

Tóm tắt nội dung:

Nội dung học phần bao gồm những khái niệm cơ bản trong thống kê và các phần mềm ứng dụng; Thực hành thống kê mô tả; Thực hành thống kê các phép kiểm định giả thuyết; Thực hành phân tích tương quan và hồi quy tuyến tính.

#### **45. EAM3040 - Đánh giá diện rộng**

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Nội dung học phần bao gồm 5 chương:

1- Những vấn đề chung về đánh giá diện rộng; 2-Giới thiệu về một số chương trình đánh giá diện rộng cấp quốc gia ở Việt Nam, 3-Giới thiệu về một số chương trình đánh giá diện rộng cấp quốc tế, 4- Đọc và báo cáo trong các chương trình đánh giá diện rộng, 5- Phân tích một số kết quả cơ b đánh giá diện rộng.

#### ***V.2. Các học phần tự chọn chung (9/15 tín chỉ)***

#### **46. EAM3013 - Nhập môn xếp hạng đại học**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần gồm có 3 chương cụ thể như sau: Chương 1: Tổng quan về xếp hạng đại học: Khái niệm chung về xếp hạng đại học và đối sánh trong giáo dục đại học; Chương 2: Các mô hình xếp hạng đại học trên thế giới; Chương 3: Ứng dụng các chỉ số xếp hạng đại học

#### **47. EAM3036 - Đánh giá năng lực tổ chức giáo dục**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần bao gồm hai nội dung chính. Một là hệ thống các kiến thức khoa học về năng lực hoạt động của tổ chức với tư cách là một hệ thống các hoạt động của các cá nhân nhằm thực hiện những mục tiêu xác định. Các kiến thức về các nhân tố như đặc điểm cá nhân, đặc điểm hoạt động, điều kiện hoạt động và các điều kiện môi trường chi phối năng lực và chất lượng hoạt động của tổ chức. Hai là hệ thống các phương pháp, kỹ thuật đánh giá năng lực và chất lượng hoạt động của tổ chức. Nội dung học phần định hướng và hình thành tư duy khoa học và kỹ năng đánh giá năng lực hoạt động của tổ chức.

#### **48. EAM3014 - Quản trị hoạt động khoa học và công nghệ**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần bao gồm những vấn đề cơ bản về quản trị hoạt động khoa học - công nghệ như khái niệm, đặc điểm, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của quản trị hoạt động khoa học - công nghệ, lịch sử quản trị hoạt động khoa học - công nghệ, bối cảnh trong nước và quốc tế của quản trị hoạt động khoa học - công nghệ. Học phần giới thiệu và phân tích các nội dung hoạt động khoa học - công nghệ cùng với các thành tựu mới nhất, xu hướng phát triển khoa học - công nghệ trong lĩnh vực giáo dục. Cung cấp các nội dung về tiêu chuẩn và việc áp dụng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trong lĩnh vực

quản trị khoa học - công nghệ. Học phần tập trung phân tích các loại hình quản trị hoạt động khoa học - công nghệ trong nhà trường, hoạch định chiến lược phát triển công nghệ, quy trình xây dựng và triển khai kế hoạch khoa học - công nghệ, các cách theo dõi, giám sát và đánh giá hoạt động khoa học - công nghệ.

#### **49. EAM3035 - Đánh giá tác động**

Học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung:

Học phần “Đánh giá tác động” được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức chung về đánh giá tác động và đánh giá tác động trong giáo dục như khái niệm, ý nghĩa và lợi ích của đánh giá tác động, phân loại và tích hợp các phương pháp định tính và định lượng trong đánh giá tác động, đánh giá tác động chương trình và dự án, các khía cạnh công bằng, đa dạng, đạo đức và công bằng xã hội trong thiết kế đánh giá. Nội dung học phần gồm: Những vấn đề chung về đánh giá tác động; Các phương pháp và loại hình đánh giá tác động; Đánh giá tác động chương trình và dự án; Các khía cạnh cân nhắc khi thiết kế đánh giá tác động; vấn đề đạo đức và công bằng xã hội; Những thách thức và định hướng của đánh giá tác động.

#### **50. EAM3019 - Nhập môn Khoa học dữ liệu trong giáo dục**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về khoa học dữ liệu, bao gồm những vấn đề thách thức quan trọng khoa học dữ liệu và các phương pháp cơ bản để làm việc với dữ liệu lớn. Các chủ đề được giới thiệu trong môn học bao gồm: thu thập dữ liệu, tích hợp dữ liệu, quản lý dữ liệu, mô hình hóa, phân tích, trực quan hóa, dự báo, và ra quyết định dựa trên thông tin, cũng như an toàn dữ liệu và bảo vệ quyền riêng tư. Khóa học này sẽ cung cấp cho sinh viên các nội dung chi tiết về ứng dụng của khoa học dữ liệu, phân tích học dữ liệu, vòng đời dự án, các phương pháp thống kê, và học máy. Sinh viên cũng sẽ được học về các công cụ và kỹ thuật thực tế để phân tích dữ liệu, chuyển đổi dữ liệu, thí nghiệm và đánh giá, như là: ngôn ngữ lập trình R hay Python.

**V.3. Các học phần tự chọn riêng** (sinh viên chọn 1 trong 3 hướng ngành: 12 tín chỉ)

**V.3.1. Hướng ngành 1: Kiểm định và Đảm bảo chất lượng giáo dục**

#### **51. EAM3007 - Quản lý chất lượng theo hệ thống ISO**

Học phần tiên quyết: EAM3006

Tóm tắt nội dung:

Quản lý chất lượng theo hệ thống ISO trong giáo dục là học phần có tính ứng dụng, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mô hình quản lý chất lượng giáo dục; kiểm định chất lượng giáo dục theo hệ thống ISO. Vì vậy, Học phần có ý nghĩa lớn trong việc rèn luyện kỹ năng vận dụng của sinh viên trong vận dụng mô hình quản lý chất lượng theo hệ thống ISO để tiến hành kiểm định chất lượng giáo dục, đảm bảo chất lượng cho các cơ sở giáo dục theo chuẩn hóa quốc tế.

Học phần trang bị cho sinh viên về mô hình quản lý chất lượng giáo dục trên thế giới và áp dụng vào Việt Nam; quy trình kiểm định chất lượng giáo dục theo hệ thống ISO - một trong những hệ thống điển hình theo chuẩn hóa quốc tế trong quản trị chất lượng giáo dục.

## **52. EAM3010 - Phân tích chính sách giáo dục**

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung:

Học phần bao gồm 3 phần nội dung lớn: (i) Khái quát về chính sách công, (ii) Phân tích chính sách giáo dục, và (iii) Đánh giá chính sách giáo dục. Chương 1: Khái quát về chính sách công giúp sinh viên làm quen với các khái niệm cơ bản nhất về chính sách công, quy trình hoạch định và thực thi chính sách công. Chương 2: Phân tích chính sách giáo dục đưa sinh tiếp cận những nội dung phân tích chính sách và công cụ để phân tích chính sách, các phương pháp thu thập thông tin để sử dụng trong phân tích chính sách. Chương 3: Đánh giá chính sách giáo dục tập trung vào ba nội dung lớn: Phân loại đánh giá chính sách, Nội dung đánh giá chính sách và những phương pháp đánh giá chính sách. Xuyên suốt học phần là các bài tập thực hành lấy bối cảnh là hệ thống chính sách công về giáo dục của Việt Nam.

## **53. SCA3009 - Quản trị thương hiệu và Marketing của nhà trường**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần trang bị cho người học những khái niệm cơ bản về thương hiệu và vai trò của thương hiệu đối với sự phát triển của nhà trường. Học phần cũng hướng dẫn cách xây dựng nhận diện thương hiệu nhà trường bao gồm logo, slogan, bản sắc thương hiệu. Người học được trang bị kỹ năng phân tích và xây dựng tính cách thương hiệu phù hợp với định hướng phát triển của nhà trường. Ngoài ra, học phần còn chỉ ra cách xây dựng chiến lược nhằm quảng bá và nâng cao giá trị thương hiệu dựa trên các mục tiêu cụ thể. Cuối cùng, học phần đề cập đến cách đo lường hiệu quả của các chiến lược quản trị thương hiệu đã áp dụng nhằm điều chỉnh cho phù hợp.

## **54. EAM3011 Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục**

Học phần tiên quyết: EAM2002

Tóm tắt nội dung:

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức trong lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục CSGDDH; các vấn đề cơ bản về kiểm định chất lượng giáo dục như khái niệm, đặc điểm, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của kiểm định chất lượng giáo dục CSGDDH; hệ thống tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục CSGDDH quốc tế và Việt Nam. Học phần cũng cung cấp cho người học hệ thống văn bản quy định liên quan đến công tác kiểm định chất lượng giáo dục CSGDDH; các công cụ kiểm định chất lượng giáo dục và thiết lập triển khai các hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài, thẩm định và công nhận chất lượng CSGDDH trong hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam.

## **55. EAM3037 Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo**

Học phần tiên quyết: EAM2002

Tóm tắt nội dung: Không

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức trong lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo; các vấn đề cơ bản về kiểm định chất lượng giáo dục như khái niệm, đặc điểm, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo; hệ thống tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo quốc tế và Việt Nam. Học phần cũng trang bị cho sinh viên những hiểu biết về hệ thống văn bản quy định liên quan đến công tác kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo; các công cụ kiểm định chất lượng giáo dục và thiết lập triển khai các hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài, thẩm định và công nhận chất lượng chương trình đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam.

#### **56. EAM3038 - Kiểm tra và thanh tra trong giáo dục**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Nội dung học phần gồm 04 nhóm vấn đề, cụ thể: 1- Các kiến thức về văn hóa nói chung, văn hóa chất lượng nhà trường nói riêng; 2- Nội dung và mối quan hệ giữa văn hóa chất lượng và quản trị chất lượng nhà trường; 3- Kiến thức và kỹ năng xây dựng văn hóa chất lượng nhà trường; 4- Rèn luyện kỹ năng xây dựng văn hóa chất lượng nhà trường thông qua vận dụng các kiến thức đã học của 3 phần trên để đảm bảo sinh viên một khi đã tích lũy được môn học là có đủ năng lực đề xuất xây dựng văn hóa chất lượng trường học cho một nhà trường cụ thể.

#### **57. EAM3035 - Seminar: Các vấn đề về xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong**

Học phần tiên quyết: EAM2002

Tóm tắt nội dung:

Học phần Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong gồm có 3 chương cụ thể như sau: Chương 1: Giới thiệu về hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; Chương 2: Quy trình xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; Chương 3: Cải tiến và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong.

#### **58. EAM3018 - Giám sát chất lượng giáo dục trong nhà trường**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần cũng cung cấp kiến thức chuyên ngành và hình thành kỹ năng tổ chức giám sát hoạt động chất lượng giáo dục diễn ra trong nhà trường, hình thành năng lực giám sát chất lượng giáo dục như một phần của năng lực quản trị chất lượng giáo dục. Nội dung học phần bao gồm bốn chương: Những vấn đề chung về giám sát hoạt động dạy học; Nguyên tắc và nội dung giám sát hoạt động dạy học trong nhà trường; Quy trình và phương thức giám sát hoạt động dạy học trong nhà trường; Hiệu trưởng và các vấn đề rèn luyện năng lực.

#### **V.3.2. Hướng ngành 2: Khảo thí và đánh giá năng lực**

### **59. EAM3021 - Xây dựng ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần Xây dựng ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá tập trung vào việc thảo luận về những vấn đề lý thuyết cổ điển và hiện đại sử dụng trong xây dựng, phát triển và chuẩn hóa đề trắc nghiệm. Học phần mang lại cơ hội cho người học tìm hiểu về lịch sử phát triển đề trắc nghiệm trong giáo dục, quy trình và những yêu cầu khoa học đối với đề trắc nghiệm chuẩn hóa, thực hành sử dụng các lý thuyết khảo thí để phân tích dữ liệu, đánh giá câu hỏi và đề thi, từ đó chuẩn hóa thang đo và chuẩn hóa đề thi, sử dụng các tham số câu hỏi để quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi.

Học phần bao gồm 4 Chương: Chương 1: Khái quát về trắc nghiệm giáo dục; Chương 2: Xây dựng đề trắc nghiệm; Chương 3: Chuẩn hóa đề trắc nghiệm và phát triển ngân hàng câu hỏi; Chương 4: Quản lý ngân hàng đề trắc nghiệm.

### **60. EAM3017 - Đánh giá trong giáo dục STEM**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần “Đánh giá trong Giáo dục STEM” nhằm cung cấp cho người học hiểu biết chung về giáo dục STEM và các hoạt động đánh giá trong giáo dục STEM, đặc biệt tập trung vào Giáo dục tích hợp STEM ở bậc phổ thông. Mục tiêu cụ thể của học phần giúp người học nhận diện được các mô hình, cấp độ của giáo dục STEM bậc phổ thông; xây dựng và phát triển được chuẩn đầu ra và công cụ đánh giá quá trình, đánh giá tổng kết trong khóa học STEM, lập kế hoạch và quản trị hoạt động đánh giá trong khóa học STEM từ đó hình thành thái độ phù hợp khi đánh giá và quản trị hoạt động dạy học STEM. Học phần gồm 03 nội dung chính (1) Giới thiệu chung về giáo dục STEM, (2) Các hoạt động đánh giá trong Giáo dục STEM, (3) Quản trị hoạt động đánh giá trong Giáo dục STEM.

### **61. EAM4004 - Công nghệ đánh giá trong lớp học**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Công nghệ đánh giá trong lớp học là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đánh giá lớp học và sử dụng công nghệ trong đánh giá trong lớp học. Ngoài ra sinh viên còn được trang bị các kỹ năng thiết kế các hoạt động đánh giá trong lớp học, phân tích lưu trữ kết quả đánh giá sử dụng kết hợp các loại hình công nghệ thông tin; Đánh giá được ưu nhược điểm của từng loại công cụ để vận dụng phù hợp trong các tình huống cụ thể. Việc sử dụng linh hoạt các công cụ đánh giá giúp giáo viên và học sinh không những đánh giá, tự đánh giá kết quả của quá trình dạy học, mà còn giúp thu thập các thông tin phản hồi hữu ích, giúp điều chỉnh quá trình dạy học để đạt mục tiêu dạy học một cách tốt nhất.

### **62. EAM3020 - Các loại hình công cụ đánh giá năng lực người học**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần “Các loại hình công cụ đánh giá năng lực người học” giới thiệu một cách tổng thể tới sinh viên các loại công cụ đánh giá mà các nhà giáo dục có thể khai thác để đánh giá năng lực người học, bao gồm các hình thức câu hỏi sử dụng trong bài thi viết, các loại công cụ hỗ trợ đánh giá khả năng thực hành của người học, công cụ đánh giá khả năng tư duy bậc thấp hoặc bậc cao, công cụ đánh giá các loại hình năng lực phức tạp, công cụ đánh giá năng khiếu hoặc phẩm chất, thái độ... Với mỗi loại hình công cụ đánh giá, sinh viên sẽ tìm hiểu về năng lực phù hợp để đánh giá, những vấn đề mà người sử dụng công cụ cần lưu ý nhằm đảm bảo độ tin cậy và giá trị của công cụ đánh giá, những cách thức để giảm thiểu lỗi khi sử dụng công cụ. Những công cụ mà học phần tập trung thảo luận bao gồm: (1) Các loại hình câu hỏi sử dụng trong bài thi viết, (2) phỏng vấn/vấn đáp, (3) công cụ đánh giá hoạt động/sản phẩm học tập, (4) công cụ đánh giá phẩm chất/thái độ.

### **63. EAM3022 - Đo lường năng lực phi nhận thức**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần Đo lường năng lực phi nhận thức tập trung cung cấp cho người học cơ sở khoa học chuyên sâu về các phương pháp đo lường và đánh giá trong giáo dục, quy trình thiết kế và chuẩn hóa công cụ đo lường, các yếu tố có thể ảnh hưởng tới kết quả đo lường các phẩm chất và kỹ năng phi nhận thức cấu thành hoặc có liên quan tới năng lực học tập của người học như động cơ học tập, sự tự tin, kỹ năng học tập tự điều chỉnh, khả năng thích ứng... Sinh viên có cơ hội thực hành nghiên cứu xây dựng công cụ đo lường, thử nghiệm và chuẩn hóa công cụ, thiết lập thang đánh giá các kỹ năng phi nhận thức.

### **64. EAM3024 - Đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần Đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra mang lại cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về thực hành đánh giá người học đáp ứng chuẩn đầu ra trong một chương trình đào tạo / khóa đào tạo. Học phần bao gồm các nội dung chính sau:

1. Những vấn đề chung về xây dựng chuẩn đầu ra của một chương trình đào tạo và đánh giá theo chuẩn đầu ra;
2. Một số thang năng lực dùng cho xây dựng chuẩn đầu ra và đo lường đánh giá kết quả học tập;
3. Những yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra;
4. Lưu trữ và báo cáo kết quả đánh giá theo chuẩn đầu ra.

### **65. EAM3026 - Seminar về khai thác dữ liệu đánh giá diện rộng**

Học phần tiên quyết: EAM3040

Tóm tắt nội dung:

Học phần “Seminar về khai thác dữ liệu đánh giá diện rộng” cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về những vấn đề chung trong đánh giá diện rộng như: mục đích đánh giá, phân loại đánh giá, phương thức chọn mẫu, thu thập dữ liệu, phương pháp và kỹ thuật đánh giá diện rộng, kỹ thuật phân tích kết quả đánh giá diện rộng như phân tích nhân tố, hồi qui, mô hình cấu trúc (SEM), giảm chiều dữ liệu,... bằng phần mềm phân tích thống kê SPSS, R. Người học được trang bị phương pháp khai thác dữ liệu từ các chương trình đánh giá diện rộng bao gồm kỳ thi học sinh giỏi, kỳ thi tốt nghiệp, kỳ thi tuyển sinh đại học, kỳ thi đánh giá chất lượng bậc học bậc tiểu học và bậc trung học, các chương trình đánh giá diện rộng quốc tế như PISA, TALIS, TIMSS, PIRLS... và sử dụng kết quả các đánh giá này để đưa ra những nhận định, khuyến nghị, đề xuất liên quan nhằm cải tiến chất lượng giáo dục.

#### **66. EAM3027 - Seminar về khai thác dữ liệu đánh giá kết quả học tập**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Seminar về khai thác dữ liệu đánh giá kết quả học tập tạo cơ hội cho SV tìm hiểu về các loại hình dữ liệu kiểm tra đánh giá và cách thức khai thác sử dụng một cách hiệu quả nhằm cải thiện hoạt động dạy, hoạt động học, từ đó nâng cao kết quả học tập. SV sẽ được giới thiệu và làm quen với các loại hình dữ liệu kiểm tra đánh giá, mối quan hệ giữa kiểm tra đánh giá và hoạt động học tập, các cách thức thu thập thông tin đánh giá, các phép thống kê cơ bản cần thiết để phân tích và diễn giải dữ liệu kiểm tra đánh giá, khai thác kết quả phân tích dữ liệu nhằm các mục đích cải thiện chất lượng hoạt động đánh giá và cải thiện hoạt động dạy học.

#### ***V.3.3. Hướng ngành 3: Thống kê và Khoa học dữ liệu trong giáo dục***

#### **67. EAM3031 - Phân tích và trực quan dữ liệu**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Nội dung Học phần được bố cục thành 5 chương, bao gồm những khái niệm cơ bản liên quan đến việc thực hiện trực quan hóa dữ liệu: Từ việc xác định mối liên hệ giữa trực quan hóa dữ liệu với tính thẩm mỹ, đến trực quan hóa tỷ lệ, trực quan hóa xu hướng, trực quan hóa không gian địa lý và trực quan hóa sự không chắc chắn.

#### **68. SCA3016 - Hệ thống thông tin trong quản trị nhà trường**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Hiện nay, mọi lĩnh vực đều phát triển nhanh theo xu hướng toàn cầu hóa. Đặc biệt, cơ sở giáo dục không thể thiếu hệ thống thông tin, vì nó giúp cho cơ sở giáo dục đạt được mục tiêu nhanh và dễ dàng hơn. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những hệ thống thông tin khác nhau, cũng như phân tích và thiết kế hệ thống, tìm hiểu các giai đoạn của hệ thống thông tin và một số hệ thống cần thiết cho Nhà trường. Từ đó, giúp sinh viên chọn được một số hệ thống thông tin thích hợp cho cơ sở giáo dục nào đó, và biết được tiến trình nào cơ sở giáo dục.

## **69. EAM3028 - Phân tích chuỗi thời gian**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Phân tích chuỗi thời gian bao gồm một tập hợp các phương pháp phân tích số liệu ở dạng chuỗi thời gian nhằm khai thác các đặc tính thống kê có ý nghĩa của số liệu. Khác với các mô hình hồi quy thông thường, phân tích và dự báo chuỗi thời gian thường liên quan đến việc kiểm định xem các giá trị trong tương lai của một chuỗi thời gian nào đó phụ thuộc như thế nào vào các giá trị hiện tại cũng như giá trị trong quá khứ của chính nó và của các chuỗi thời gian khác. Mặc dù có nguồn gốc từ lĩnh vực kỹ thuật, nhưng phân tích chuỗi thời gian ngày càng được phát triển và ứng dụng rộng rãi trong khoa học kinh tế, giáo dục. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên kỹ năng dự đoán tương lai dựa trên cơ sở của những phân tích khoa học về dữ liệu đã thu thập được. Trong học phần này sinh viên cũng được học sử dụng các phần mềm máy tính để xử lý số liệu và hỗ trợ quá trình dự báo như Excel, SPSS, Eview và R.

## **70. EAM3029 - Lập trình cho Khoa học dữ liệu**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần Lập trình cho Khoa học dữ liệu cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và những kỹ năng cần thiết để có thể thực hiện việc phân tích, thống kê, biểu diễn đồ họa và báo cáo bằng R. Ngoài ra, môn học còn trang bị khả năng áp dụng một số thuật toán học máy trong việc phân loại, dự đoán và phân nhóm dữ liệu. Bên cạnh đó, môn học còn rèn luyện và phát triển kỹ năng lập trình, rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng viết báo cáo và thuyết trình.

## **71. EAM3030 - Một số vấn đề chọn lọc của thống kê**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp một số nội dung chọn lọc về thống kê ứng dụng trong giáo dục; một số nội dung cơ bản của phân tích phương sai; ứng dụng thống kê trong quản lý chất lượng giáo dục; các vấn đề về lý thuyết ra quyết định trong giáo dục. Hình thành các kỹ năng thu thập trình bày và phân tích giải thích dữ liệu cũng như ứng dụng chúng trong các tình huống thực tiễn trong Giáo dục.

## **72. EAM3032 - Phân tích hồi quy và ứng dụng**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Nội dung học phần bao gồm hồi quy tuyến tính đơn giản và giới thiệu hồi quy bội với sự nhấn mạnh vào lý thuyết ước lượng bình phương tối thiểu, phân tích sai số và giải thích mô hình. Trong trường hợp hồi quy bội sẽ thảo luận thêm về các phép biến đổi của các biến, tương tác, kỹ thuật lựa chọn mô hình, ANOVA, chẩn đoán ảnh hưởng và đa cộng tuyến. Thêm vào đó, nội dung học phần bao gồm các phép biến đổi Box-

Cox, hồi quy có trọng số và hồi quy logistic và Poisson. Thực hành phân tích hồi qui trên phần mềm R.

### **73. EAM3033 - Phân tích dữ liệu với Python**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp những kiến thức về tổng quan về thống kê ứng dụng trong giáo dục; một số nội dung cơ bản của giải tích tổ hợp và lý thuyết xác suất; thống kê mô tả trong giáo dục; các vấn đề ước lượng và kiểm định giả thuyết trong giáo dục và cuối cùng là tương quan và hồi quy tuyến tính trong giáo dục. Hình thành các kỹ năng thu thập trình bày và phân tích giải thích dữ liệu cũng nhưng ứng dụng chúng trong các tình huống thực tiễn trong Giáo dục.

### **74. EAM3034 - Seminar Một số vấn đề chọn lọc về Khoa học dữ liệu**

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề chọn lọc của khoa học dữ liệu, bao gồm những vấn đề thách thức quan trọng khoa học dữ liệu và các phương pháp cơ bản để làm việc với dữ liệu lớn. Các chủ đề được giới thiệu trong môn học bao gồm: Tổng quan về khoa học dữ liệu và những ứng dụng trong giáo dục; Phân tích dữ liệu khám phá và ứng dụng; Sử dụng một số thuật toán học máy trong phân tích dữ liệu và ứng dụng và cuối cùng là thực hành phân tích dữ liệu trên R hay Python.

### ***V.4. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp***

#### **75. EAM4050 - Thực tập nghiệp vụ**

**Giai đoạn 1 - Kết nối:** Sinh viên tham gia buổi Teambuilding do Trường Đại học Giáo dục tổ chức nhằm mục đích tạo sự kết nối giữa sinh viên và giảng viên, cán bộ hỗ trợ. Địa điểm tổ chức theo kế hoạch hàng năm của Nhà trường, trong phạm vi 01 ngày. Kinh phí tổ chức do Trường Đại học Giáo dục chi trả. Giai đoạn này nhằm hình thành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, thiết lập các mối quan hệ giữa sinh viên với giảng viên và cán bộ hỗ trợ (KPI 6); rèn luyện thái độ làm việc nghiêm túc, trách nhiệm và chuyên nghiệp (KPI 7).

**Giai đoạn 2 - Trải nghiệm định hướng nghề:** Giai đoạn trải nghiệm định hướng nghề giúp sinh viên có cơ hội quan sát, vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào trong các trải nghiệm thực tế hoạt động quản trị chất lượng trường học trong các bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Qua thực tiễn này, sinh viên được thực hành các kỹ năng quản trị chất lượng giáo dục ở các cơ sở giáo dục, bước đầu hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp của người làm công việc quản trị chất lượng giáo dục ở các cơ sở giáo dục. Giai đoạn này kéo dài 01 tuần làm việc. Sinh viên được chọn lịch, địa điểm trải nghiệm định hướng nghề phù hợp với nhu cầu của bản thân trong năm thứ 2 hoặc năm thứ 3 của khóa học. Kết thúc giai đoạn 2, sinh viên được đánh giá mức độ hoàn thành các KPIs 1, 4, 6, 7, bước đầu hình thành thế giới quan đối với vị trí việc làm

của sinh viên sau khi tốt nghiệp; hình thành và rèn luyện thái độ nghiêm túc, chuyên nghiệp trong công việc.

**Giai đoạn 3 - Trải nghiệm nghề:** Sinh viên chủ động lựa chọn và đăng ký cơ quan, tổ chức và địa điểm dự kiến trải nghiệm nghề tại các cơ sở giáo dục hoặc viện trung tâm trong thời gian tối thiểu 30 ngày làm việc (cộng ngày linh hoạt). Sinh viên lựa chọn một trong các hướng trải nghiệm như quan sát viên đoàn đánh giá ngoài; trải nghiệm một vị trí việc làm tại các phòng chức năng hoặc trung tâm. Sinh viên chỉ được tham gia giai đoạn 3 của chương trình thực tập sau khi đã được đánh giá giai đoạn 2 từ mức Đạt trở lên. Sinh viên lập kế hoạch trải nghiệm nghề trình cán bộ hướng dẫn tại cơ sở tiếp nhận xác nhận và giám sát việc thực hiện kế hoạch của sinh viên.

**Giai đoạn 4 - Thực tập nghiệp vụ kéo dài 12 tuần:** Trên cơ sở quan sát trải nghiệm từ hoạt động trải nghiệm định hướng nghề, giai đoạn thực tập nghiệp vụ giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế hoạt động quản trị chất lượng thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Cũng cố kiến thức, hình thành kỹ năng và kinh nghiệm thực tế trong quản trị chất lượng tại cơ sở giáo dục, Hình thành phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của người làm công việc quản trị chất lượng giáo dục: Hình thành tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên. Sinh viên được phân công địa điểm thực tập nghiệp vụ theo quyết định của Trường Đại học Giáo dục. Sinh viên chỉ được tham gia giai đoạn 4 của chương trình thực tập sau khi đã được đánh giá giai đoạn 3 từ mức Đạt trở lên.

## **76. EAM4051 - Khóa luận tốt nghiệp**

Học phần cung cấp các nội dung liên quan đến thực hiện một khóa luận tốt nghiệp. Trong đó, có các nội dung liên quan đến trình bày các phần bắt buộc phải có trong luận văn tốt nghiệp gồm: Phần mở đầu, Tổng quan nghiên cứu và Cơ sở lý luận, Phương pháp nghiên cứu, Kết quả nghiên cứu, Kết luận và Kiến nghị. Mỗi nội dung đều được hướng dẫn cụ thể như sau:

- **Phần Mở đầu:** Trình bày được các vấn đề chung liên quan đến nghiên cứu bao gồm: 1. Lý do chọn đề tài; 2. Mục đích nghiên cứu; 3. Câu hỏi nghiên cứu; 4. Giải thuyết nghiên cứu (nếu có); 5. Phạm vi nghiên cứu; 6. Phương pháp nghiên cứu; 7. Ý nghĩa của đề tài.

- **Tổng quan nghiên cứu và Cơ sở lý luận:** Liệt kê, mô tả các nghiên cứu trước đó liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Từ đó chỉ ra được khoảng trống nghiên cứu; Liệt kê các định nghĩa, khái niệm, lý thuyết được sử dụng trong nghiên cứu.

- **Phương pháp nghiên cứu:** Trình bày phương pháp nghiên cứu được sử dụng và mô tả thiết kế nghiên cứu thể hiện qua: 1. Mẫu nghiên cứu; 2. Công cụ; 3. Thu thập dữ liệu; 4. Phân tích dữ liệu.

- **Kết quả nghiên cứu:** Phần này tùy thuộc vào nghiên cứu mà chia kết quả nghiên cứu theo các câu hỏi nghiên cứu. Nếu kết quả nghiên cứu có nhiều nội dung cần trình bày có thể trình bày thành nhiều chương.

- **Kết luận và kiến nghị:** Tóm tắt được các kết quả nghiên cứu chính, đưa ra được các hướng nghiên cứu tiếp theo và hạn chế đề tài (nếu có); Đưa ra phải dựa trên kết quả nghiên cứu và mang tính khả thi.

### ***Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp***

#### **77. EAM4052 - Học phần tốt nghiệp 1**

Học phần tốt nghiệp 1 là học phần tự chọn thuộc hướng ngành sinh viên Quản trị chất lượng giáo dục đang theo học, nằm tại mục “V.3. Các học phần tự chọn riêng” thuộc Khối kiến thức ngành bao gồm 3 hướng ngành Hướng ngành 1. Kiểm định và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Hướng ngành 2. Khảo thí và đánh giá năng lực; Hướng ngành 3. Thống kê và Khoa học dữ liệu trong giáo dục. Sinh viên lựa chọn 01 học phần tốt nghiệp 1 trong 04 học phần còn lại thuộc hướng ngành đang theo học (trừ 04 học phần đã học theo yêu cầu). Học phần tốt nghiệp 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quản lý chất lượng, quản trị nhà trường trong việc tư vấn và thực hiện các hoạt động quản trị chất lượng giáo dục; thực hiện được quy trình xây dựng và phát triển văn hoá chất lượng nhà trường; Lập kế hoạch và triển khai các hoạt động quản trị chất lượng tại các tổ chức giáo dục và nghề nghiệp có liên quan; Đánh giá và cải tiến chất lượng chương trình giáo dục đại học.

#### **78. EAM4053 - Học phần tốt nghiệp 2**

Học phần tốt nghiệp 2 là học phần tự chọn thuộc hướng ngành sinh viên Quản trị chất lượng giáo dục đang theo học, nằm tại mục “V.3. Các học phần tự chọn riêng” thuộc Khối kiến thức ngành. Sinh viên lựa chọn 01 học phần tốt nghiệp 2 trong 04 học phần còn lại thuộc hướng ngành đang theo học (trừ 04 học phần đã học theo yêu cầu). Học phần tốt nghiệp 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quản lý chất lượng, quản trị nhà trường trong việc tư vấn và thực hiện các hoạt động quản trị chất lượng giáo dục; Thiết lập hệ thống quản lý đảm bảo chất lượng giáo dục, hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn và các chỉ số thực hiện cho các lĩnh vực hoạt động của các tổ chức giáo dục và nghề nghiệp có liên quan; Kiểm tra và giám sát hệ thống đảm bảo chất lượng của một tổ chức giáo dục để tư vấn cải tiến nâng cao chất lượng; Điều phối, trực tiếp tham gia và hỗ trợ về viết báo cáo tự đánh giá, xếp hạng giáo dục của một tổ chức giáo dục.

## 16. Tiến trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	HP BB/TC	Khối KT	HP tiên quyết	Dự kiến Kỳ học
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b> (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ)		<b>21</b>				
1	PHI1006	Triết học Mac-Lenin <i>Marxism – Leninism Philosophy</i>	3	BB	M1		1
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mac-Lenin <i>Marxism-Leninism Politic Economy</i>	2	BB	M1	PHI1006	2
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Leninism Scientific Socialism</i>	2	BB	M1	PHI1006	3
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	BB	M1	PHI1006	2
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	BB	M1	POL1001	4
6	THL1057	Nhà nước và Pháp luật đại cương <i>State and General law</i>	2	BB	M1		1
7		<b>Ngoại ngữ B1</b> <i>Foreign Language B1</i>	5	BB	M1		
8	EDT2003	Tin học cơ sở <i>Basic of Informatics</i>	3	BB	M1		2
9	TMT2100	Kỹ năng bổ trợ <i>Soft skills</i>	3	BB	M1		
10		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4	BB	M1		4 học kỳ
11		Giáo dục quốc phòng–an ninh <i>National Defence Education</i>	8	BB	M1		Học kỳ hè
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>21</b>				
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>				
12	PSE2008	Tâm lý học giáo dục <i>Education Psychology</i>	4	BB	M2		1
13	EDT2001	Nhập môn công nghệ giáo dục <i>Introduction of Educational Technology</i>	2	BB	M2		1
14	EAM3002	Nhập môn thống kê ứng dụng trong giáo dục <i>Introduction of Applied statistics in education</i>	3	BB	M2		1
15	PSE2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục	3	BB	M2		2

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	HP BB/TC	Khối KT	HP tiên quyết	Dự kiến Kỳ học
		<i>Research Methodology in Education</i>					
16	EDM2013	Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục	2	BB	M2		1
		<i>Introduction to management science in education</i>					
17	TMT3013	Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục	4	BB	M2		1
		<i>Code of professional ethics in the field of education</i>					
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>3/9</b>				
18	PSE2009	Nhập môn khoa học giáo dục	3	TC	M2		2
		<i>Introduction to Education Science</i>	3				
19	EDM2002	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo	3	TC	M2		2
		<i>Administrative Management and Management of Education</i>					
20	EDM2006	Hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở pháp lý trong quản lý giáo dục	3	TC	M2		2
		<i>The National Education System and the Legal Basis for Management Education</i>					
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>17</b>				
<b>III.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>8</b>				
21	EAM2052	Nhập môn đo lường và đánh giá trong giáo dục	2	BB	M3		2
		<i>Introduction to measurement and evaluation in education</i>					
22	EAM2002	Đại cương về quản trị chất lượng giáo dục *	3	BB	M3	EDM2013	3
		<i>Introduction to Education Quality Management</i>					
23	EAM2004	Phát triển và đánh giá chương trình giáo dục	3	BB	M3		4
		<i>Educational Program Development and Evaluation</i>					
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/18</b>				
24	EAM2005	Khởi nghiệp	3	TC	M3		3
		<i>Entrepreneurship</i>					
25	EAM2006	Tư duy thiết kế	3	TC	M3		3
		<i>Design Thinking</i>					
26	EAM4006	Giáo dục so sánh	3	TC	M3		3

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	HP BB/TC	Khối KT	HP tiên quyết	Dự kiến Kỳ học
		<i>Comparative Education</i>					
27	EDM1004	Xã hội học giáo dục	3	TC	M3		3
		<i>Sociology in Education</i>					
28	PSE2006	Tư vấn tâm lý học đường	3	TC	M3		3
		<i>Psychological Counseling in Schools</i>					
29	EDM2003	Kinh tế học giáo dục	3	TC	M3		3
		<i>Education Economics</i>					
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>18</b>				
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>				
30	EAM3001	Xây dựng văn hóa chất lượng nhà trường	3	BB	M4	EAM2002	5
		<i>Quality Culture Development in Schools</i>					
31	EAM4005	Nhập môn thiết kế điều tra khảo sát	3	BB	M4	PSE2004	4
		<i>Introduction to Survey Design</i>					
32	EAM1001	Đánh giá trong giáo dục	3	BB	M4		5
		<i>Assessment in Education</i>					
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/18</b>				
33	EAM2009	Giáo dục và cộng đồng châu Á	3	TC	M4		4
		<i>Asia Community and Education</i>					
34	SCA2004	Quản trị chiến lược trong nhà trường	3	TC	M4	EAM2002	4
		<i>Strategic Administration in Schools</i>					
35	PSE2005	Tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường	3	TC	M4		4
		<i>Organising educational activities in the school</i>					
36	SCA3003	Quản trị nguồn nhân lực trong nhà trường	3	TC	M4	EAM2002	4
		<i>Human Resource Administration in Schools</i>					
37	SCA3005	Quản lý cơ sở vật chất trong nhà trường	3	TC	M4		4
		<i>Infrastructure and Physical Facility Management in Schools</i>					
38	SCA3004	Quản lý tài chính trong nhà trường	3	TC	M4		4
		<i>Financial Management in Schools</i>					
<b>V</b>	<b>Khối kiến thức ngành</b>		<b>53</b>				
<b>V.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>21</b>				

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	HP BB/TC	Khối KT	HP tiên quyết	Dự kiến Kỳ học
39	EAM2003	Kỹ năng quản trị chất lượng giáo dục	3	BB	M5	EAM2002	5
		<i>Education Quality Management Skills</i>					
40	EAM3004	Quản trị chất lượng cơ sở giáo dục theo các chỉ số thực hiện (KPIs)	3	BB	M5	EAM2002	6
		<i>Quality Management of Institutions in compliance with Key Performance Indicators (KPIs)</i>					
41	EAM2010	Nhập môn kiểm định chất lượng giáo dục	3	BB	M5	EAM2002	5
		<i>Introduction to Education Accreditation</i>					
42	EAM3006	Đảm bảo chất lượng trong giáo dục	3	BB	M5	EAM2002	5
		<i>Education Quality Assurance</i>					
43	EAM3008	Quản lý chất lượng tổng thể	3	BB	M5	EAM2002	5
		<i>Total Quality Management</i>					
44	EAM2001	Thực hành thống kê ứng dụng trong giáo dục	3	BB	M5	EAM3002	3
		<i>Practice of Applied Statistics in Education</i>					
45	EAM4001	Đánh giá diện rộng	3	BB	M5		6
		<i>Large-scale Assessment</i>					
<b>V.2</b>	<b>Các học phần tự chọn chung</b>		<b>9/15</b>				
46	EAM3014	Nhập môn xếp hạng đại học	3	TC	M5		6
		<i>Introduction to University Ranking</i>					
47	EAM3036	Đánh giá năng lực tổ chức giáo dục	3	TC	M5		6
		<i>Evaluation of Educational Organizations' Capacity</i>					
48	EAM3013	Quản trị hoạt động khoa học và công nghệ	3	TC	M5		6
		<i>Science and Technology Administration</i>					
49	EAM3035	Đánh giá tác động	3	TC	M5		6
		<i>Impact Evaluation</i>					
50	EAM3019	Nhập môn Khoa học dữ liệu trong giáo dục	3	TC	M5		6
		<i>Introduction to Data Science in Education</i>					
<b>V.3</b>	<b>Các học phần tự chọn riêng (sinh viên chọn 1 trong 3 hướng ngành)</b>		<b>12</b>				

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	HP BB/TC	Khối KT	HP tiên quyết	Dự kiến Kỳ học
V.3.1	<i>Hướng ngành 1: Kiểm định và Đảm bảo chất lượng giáo dục</i>		12/24				
51	EAM3007	Quản lý chất lượng theo hệ thống ISO <i>Quality Management According to ISO System</i>	3	TC	M5	EAM3006	7
52	EAM3010	Phân tích chính sách giáo dục <i>Educational Policy Analysis</i>	3	TC	M5		7
53	SCA3009	Quản trị thương hiệu và Marketing của nhà trường <i>Branding and Marketing Management of Schools</i>	3	TC	M5		7
54	EAM3011	Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục <i>Institution accreditation</i>	3	TC	M5	EAM2002	7
55	EAM3037	Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo <i>Program accreditation</i>	3	TC	M5	EAM2002	7
56	EAM3038	Kiểm tra và thanh tra trong giáo dục <i>Control and Inspection in Education</i>	3	TC	M5		7
57	EAM3039	Seminar: Các vấn đề về xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong <i>Seminar: Selected topics on building internal quality assurance system</i>	3	TC	M5	EAM2002	7
58	EAM3018	Giám sát chất lượng giáo dục trong nhà trường <i>Monitoring Educational Quality in Schools</i>	3	TC	M5		7
V.3.2	<i>Hướng ngành 2: Khảo thí và đánh giá năng lực</i>		12/24				
59	EAM3021	Xây dựng ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá <i>Development of Test Item Banks</i>	3	TC	M5		7
60	EAM3017	Đánh giá trong giáo dục STEM <i>Assessment in STEM Education</i>	3	TC	M5		7
61	EAM4004	Công nghệ đánh giá trong lớp học <i>Technology-based Classroom Assessment</i>	3	TC	M5		7
62	EAM3020	Các loại hình công cụ đánh giá năng lực người học <i>Competence-based Assessment Tools</i>	3	TC	M5		7
63	EAM3022	Đo lường năng lực phi nhận thức	3	TC	M5		7

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	HP BB/TC	Khối KT	HP tiên quyết	Dự kiến Kỳ học
		<i>Measurement of Noncognitive Skills</i>					
64	EAM3024	Đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học	3	TC	M5		7
		<i>Measuring Students' Achievement of Learning Outcomes</i>					
65	EAM3026	Seminar về khai thác dữ liệu đánh giá diện rộng	3	TC	M5	EAM3009	7
		<i>Seminar on Data Analysis of Large-Scale Assessment</i>					
66	EAM3027	Seminar về khai thác dữ liệu đánh giá kết quả học tập	3	TC	M5		7
		<i>Seminar on Data Analysis of Student Performance Assessment</i>					
V.3.3	<i>Hướng ngành 3: Thống kê và Khoa học dữ liệu trong giáo dục</i>		12/24				
67	EAM3031	Phân tích và trực quan dữ liệu	3	TC	M5		7
		<i>Data analysis and visualization</i>					
68	SCA3016	Hệ thống thông tin trong quản trị nhà trường	3	TC	M5		7
		<i>Information System in School Management</i>					
69	EAM3028	Phân tích chuỗi thời gian	3	TC	M5		7
		<i>Analysis of Time Series</i>					
70	EAM3029	Lập trình cho Khoa học dữ liệu	3	TC	M5	EAM2002	7
		<i>Programming for Data Science</i>					
71	EAM3030	Một số vấn đề chọn lọc của thống kê	3	TC	M5		7
		<i>Some selected issues of applied statistics</i>					
72	EAM3032	Phân tích hồi quy và ứng dụng	3	TC	M5		7
		<i>Applied Regression Analysis</i>					
73	EAM3033	Phân tích dữ liệu với Python	3	TC	M5		7
		<i>Data Analysis with Python</i>					
74	EAM3034	Seminar Một số vấn đề chọn lọc về Khoa học dữ liệu	3	TC	M5		7
		<i>Seminar on Selected topics on Data Science</i>					
V.4	<b><i>Kiến thức thực tập và tốt nghiệp</i></b>		<b>11</b>				
75	EAM4050	Thực tập nghiệp vụ	5	BB	M5		8
		<i>Internship</i>					

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	HP BB/TC	Khối KT	HP tiên quyết	Dự kiến Kỳ học
76	EAM4051	Khóa luận tốt nghiệp	6	BB	M5		8
		<i>Undergraduate Thesis</i>					
		<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>					
77	EAM4052	Học phần tốt nghiệp 1	3	TC	M5		8
		<i>Thesis 1</i>					
78	EAM4053	Học phần tốt nghiệp 2	3	TC	M5		8
		<i>Thesis 2</i>					
		<b>Tổng cộng</b>	<b>130</b>				

### 17. Thời điểm xây dựng mô tả chương trình hoặc điều chỉnh chương trình

Bản mô tả chương trình đào tạo cử nhân Quản trị chất lượng giáo dục được điều chỉnh vào tháng 12 năm 2023. Chương trình đào tạo điều chỉnh chuẩn trình độ đại học ngành: Quản trị chất lượng giáo dục, ban hành kèm theo quyết định 3321/QĐ-ĐHGD ngày 29 tháng 12 năm 2023.

### 18. Các quy định về kiểm tra đánh giá

Mục đích chính của hoạt động kiểm tra đánh giá là cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học của giảng viên và sinh viên, từ đó nâng cao chất lượng chương trình đào tạo của nhà trường. Thực hiện hiệu quả hoạt động kiểm tra đánh giá giúp nhà trường có được kết quả chính xác về mức độ đạt chuẩn đầu ra của sinh viên về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm mà chương trình đào tạo cung cấp. Chính vì vậy, việc thực hiện triển khai và quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá trong quá trình đào tạo luôn cần được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, có sự tham gia phối hợp của giảng viên và các phòng ban liên quan, đảm bảo được tính minh bạch, khách quan và công bằng.

Khoa Quản trị chất lượng luôn thực hiện các hoạt động kiểm tra đánh giá chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị chất lượng giáo dục đúng theo các quy định về kiểm tra đánh giá của Đại học Quốc gia Hà Nội tại “Quy chế đào tạo đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội” ban hành ngày 25/12/2014 (Ban hành kèm theo Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội).

Trong quá trình đào tạo, Khoa Quản trị chất lượng luôn thực hiện hoạt động kiểm tra đánh giá xuyên suốt quá trình học tập của sinh viên. Hình thức kiểm tra đánh giá, trọng

số và cách tính các đầu điểm được giảng viên công bố ngay từ khi bắt đầu giảng dạy học phần. Các học phần đều được áp dụng triệt để các loại hình kiểm tra đánh giá như hình thức đánh giá quá trình thông qua việc đánh giá điểm thường xuyên, chuyên cần, chấm điểm bài tập cá nhân và bài tập nhóm, đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ để có cơ sở và kịp thời phản hồi tới người học, từ đó giúp người học có thể chủ động xây dựng, điều chỉnh kế hoạch học tập, theo dõi và quản lý lộ trình học tập của bản thân. Kết quả các học phần được Khoa tổng hợp theo kỳ học và thông báo tới sinh viên qua địa chỉ email.

Để đánh giá kết thúc chương trình đào tạo, sinh viên cần hoàn thành báo cáo thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp (hoặc học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp). Kết quả toàn khóa học của sinh viên được Khoa phối hợp với các phòng ban cập nhật và công bố trên hệ thống website của nhà trường.

*Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

**PHÓ CHỦ NHIỆM PHỤ TRÁCH KHOA**



**Vũ Trọng Lương**